

Sa-Đéc

12/18/2015

ÔN-NHƯ

NGUYỄN VĂN NGỌC

ĐÔNG TÂY
NGU NGÔN

Chữ Ngụ 寓 nghĩa là gá gửi ; chữ Ngôn 言 nghĩa là nhờ nói. Ta dùng hai chữ « Ngụ-ngôn » để chỉ cái lối văn, hoặc văn xuôi, hoặc văn vần, thường đặt thành câu truyện đem kể, rồi nhân câu truyện mà dẫn những nhờ quy trảm về luận thường đạo lý, để cảm hóa lòng người.

Vậy trong Ngụ-ngôn câu truyện kể chỉ là khách, nhờ quy trảm mới thực là chủ. Tức như chính một nhà ngụ ngôn xưa đã nói : Câu truyện kể chỉ là cái phần « hình hài » bề ngoài, nhờ trảm quy mới thực là cái phần « linh hồn » bên trong.

Câu truyện kể thường là mượn các loài vật : trâu bò ngoài đồng, voi hổ trên rừng, chim chóc bay hót, cá tôm lặn lội, con nhện chằng mạng, con sên leo tường, con cóc xù xì trong hang, đom-đóm lập lòe xó tối, ... nhưng có khi lại mượn cả đến cây cối, hoa quả : cây thông, cây lúa, bông đơn, trái đào, ... mượn các vật vô cơ, vô giác : cái tranh, ngòi bút, nồi đất, nồi đồng, ... mượn những điều vô hình vô trạng : sự ngu dại, sự khôn khéo, sự quá độ, điều họa phúc, ... mượn chính người, thân thể người : đùi, què, gù, chột ; mắt với lông mày ; mồm với chân tay ; tính nết người ; bác tham lận, chủ hà tiện, anh nói khoác, chị lọc lừa, ... mượn cả đến Thần Phật, ma quỷ : Di-lặc, Hà-bá, Ma-vương, Diêm-chúa, ... cả đến Tạo-hóa : mặt trăng, mặt trời, cái tuổi, con sông, hòn núi, vũng biển, ... Nói tóm lại, bao nhiêu những cái « khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán », Ngụ-ngôn đều mượn được cả. Ngụ-ngôn thực là một « tấn kịch thiên hình, vạn trạng », thiên biến vạn hóa vậy.

Nhưng, dù thế nào, Ngũ-ngôn cũng chuyên riêng về những loài cầm thú, côn trùng, lấy các loài ấy làm « chủ động » cho đóng các vai mà ra trò. Có thể, Ngũ-ngôn mới thành có đặc tính, mới không lẫn lộn với những truyện cổ tích, giải buồn, những truyện tiểu lâm, khôi hài cùng những nhời bóng gió, xa xôi khác.

Các nhời qui trâm, khi thì ăn luôn theo vào bài, chỉ như gọi cái đại ý ra, khi thì đứng lìa rời hẳn ngoài như đề thúc kết lại ; lúc thì giàn ngay trên đầu bài như nhời giáo đầu ; lúc thì đồn ở dưới cuối bài như câu văn trò ; có lúc lại vừa ở trên đầu, vừa ở dưới cuối như cái khung đóng bài vậy. Có nhiều nhời trâm qui có thể lấy ra mà dùng như những câu tục ngữ, ca dao được.

Sa-Đéc

* *

12/18/2015

Người ta là giống tinh khôn nhất ở đời, làm chúa tể cả muôn vật, truyện người kể ra đã vô cùng, hà tất còn phải mượn đến truyện vật, là những loài hèn kém hơn làm gì ? Câu hỏi như thế cũng là phải. Nhưng « Cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật ». Đối với những vật vô tri thức như cây gỗ, khóm cỏ, người ta còn biết đem ra mà lợi dụng về đường kinh tế, thì đối với loài vật là những loài có cử động, có tri giác, há lại chịu bỏ hoài, không biết đem lợi dụng về đường đạo đức hay sao ?

Này : cao như sếu, thấp như vịt, nhanh như cắt, chậm như sên, run như dế, rất như cây, phủ như chó, dữ như cọp, thân lừa ưa nặng, chim chết vì mỡ, chó cùng rứt giậu, cóc mỡ, cò ăn, cú có, vọ mừng, trâu cột ghét trâu ăn, trâu béo kéo trâu gầy, tiu ngưu như

mèo cắt tai, lang lẳng như chó phải dùi đục,... hình dáng, tâm tính của người làm sao, thì hình dáng, tâm tính của vật có nhẽ cũng như vậy. Mà khi người đã xem xét thấy vật giống như mình, tất người tự nhiên đem vật ra ví với mình như muốn làm gương để phản chiếu hình ảnh của mình lại. Nên lấy vật để dạy người cũng không có gì là lạ. Ông La Fontaine xưa có câu nói : « Ta dùng loài vật để dạy người. » (1)

Này lại chó giữ nhà, gà gáy sáng, trâu kéo cày, ngựa kéo xe, mèo bắt chuột, lợn thịt ngon, con ong có mật ngọt, con tằm nhả tơ đẹp, chim chóc hót vui tai, hùm gấu da lông tốt,... các giống vật nhà, vật rừng đã giúp người bao nhiêu công việc, đã cho người bao nhiêu đồ dùng, lại có khi ăn ở với người nên ơn, nên nghĩa, thì tất nhiên người phải đem lòng thương yêu, coi cũng như bè bạn một khi « anh em phận kém » rất nên quen biết, rất nên am hiểu lẫn nhau vậy. Loài người nếu chỉ lẻ loi có một mình ở trên thế giới, thì tưởng cũng có phần buồn bã lắm ! Và chẳng, muôn vật ở đời chẳng qua cái phận tuy khác nhưng cái khi cũng là một cả. Người tự xưng khôn hơn vạn vật, có nhẽ chỉ vì chút lòng tự phụ, tự kiêu. Biết đâu loài khỉ, loài chuột, loài kiến, loài ong, ... lại cũng không có trí khôn, có lý tính, có tiếng nói riêng (2) để dùng với nhau và cũng không tự phụ, tự kiêu rằng là khôn, là tài, là có luân thường đạo lý ?

Lại còn theo như phép lục đạo luân hồi của nhà Phật,

(1) Je ne sers d'animaux pour instruire les hommes (La Fontaine)

(2) Công-giã-Tràng nghe hiểu được tiếng chim (Luận-ngữ).
Giới Cát-Lư nghe hiểu được tiếng trâu (Tả-truyện).

thì người ta mà được hưởng làm người đời này, là nhờ cái công tu hành dành phần cho, chớ kiếp trước có nhẽ đã làm trâu, làm ngựa, ... qua, hay kiếp sau rồi lại phải đọa làm chó, làm mèo, làm gà, làm lợn, ...



Lấy vật dạy người mà phải bày đặt ra câu truyện, tưu trung tất lăm chỗ hình như non lép giả dối khiến cho người nghiêm chính, có khi tìm cớ mà công kích. Đời nào lại có muỗi quyết bài xuất chính cùng sư tử, chó làm bạn đi chơi với lang, lang làm ông lang cứu mệnh cho lừa, rùa muốn lên cây đề xơi cơm thết của chuột, cóc biết ghen hờn đom-đóm, rắn biết rủ nhau đi kiện, v. v. ... Bất bẻ như thế, cũng có phần phải. Nhưng khi người đã mượn vật để làm truyện kể cho người nghe, thì tất nhiên người phải cho vật mượn bao nhiêu tâm tính của người, bất vật phải nghĩ ngợi, phải nói năng, phải cử chỉ, phải hoạt động hẳn như người. Mỗi con vật mượn đó tức là đội cái lột một người ; mỗi một người xem truyện tức đã như soi thấy hình ảnh mình trong con vật.

Vả chẳng ta nên phân biệt những điều chắc thực có với những điều có thể cho như là có được. Mà phàm đã gọi là truyện bày đặt, là tính những truyện có thể cho là thật có cả, dù mắt không trông thấy thế bao giờ, thì óc cũng tưởng tượng, ngẫm nghĩ cho như là thế được, càng nghĩ càng lấy làm có lý, rồi đem nói ra cũng không sợ ngượng mồm, viết ra cũng không sợ hư bút. Thượng đẳng mà sợ kẻ bất đẳng, thì sư tử có khi phải thua muỗi thực ; nhà giàu muốn mon men làm quen với quan, thì bò

béo muốn chồi mồi làm bạn với sư tử cũng được ; nha-lại có thể mượn thế quan đề hà hiếp kẻ ngu dân, thì hồ lại không mượn được oai hổ để dọa nạt các giống cây, cuộc hay sao ? Con cú mà muốn bắt chuột con yềng tức là kẻ vô tài muốn đua đòi với người chân tài, con ruồi đậu trên sừng trâu mà tưởng là nặng, ấy chính là kẻ vô công mà lại hợm mình, lên mặt ; lũ khỉ « sớm bốn chiều ba » không ưng thuận, mà « sớm ba chiều bốn » lại bằng lòng, thì có khác chi kẻ khờ dại « tiền ruỡi chẳng bán, bán tiền ba mươi đồng » không ? ... Người có thể như thế nào, thì vật cũng có thể cho như thế được. Cho nên đem câu chuyện vật kể cho người nghe, chẳng những người không kêu là chán tai thường khi lại lấy làm vui thích lắm.



Chỉ vì cái lòng vui thích khiến cho người ta muốn nghe, dễ nghe ấy mới sinh ra có truyện Ngụ-ngôn.

« Nói ngay hay trái tai ». Cái trò đời, xưa nay vẫn thế ! Cứ đem một sự Thực chần chẫn ra mà dạy người, có phần như hơi ép ường không được dễ dàng. Cách ngôn, huấn ngôn dạy nhời nào, ai chẳng quý hóa, chẳng khâm phục, song nó vẫn như còn treo cao, còn đề xa, không được thiết tha gần nhân tâm cho lắm. Nên nghiêm trang chính đính mà dạy Đạo-đức là một cách khác, thì vui cười hỉ hả mà dạy Đạo - đức là một cách khác, và cách sau đem so với cách trước, có phần dễ được việc, chóng nên công hơn. Viên thuốc để chữa bệnh mà phải bọc vỏ ngoài cho đẹp như viên kẹo mới dễ khiến người nuốt, thì sự Chân-lý muốn cho dễ thấm thía vào tâm linh người ta, cũng phải lựa

một con đường nào cho dễ đi, cho chóng lọt vào đến nơi được.

Nhiều khi cha không đủ làm gương cho con, anh không thể dạy nổi em, thầy không tận từ giáo hóa được học trò. Cách trực tiếp dùng đã không xong, người làm cha, làm anh, làm thầy mới phải dùng đến cách gián tiếp, nghĩa là đem cái ý này mà gửi vào nhờ kia, đưa cái tư tưởng của mình mà mượn người khác, mượn loài vật, mượn cây cối, mượn Thần, Phật, ... dẫn ra cho đắc lực. Bởi vậy mà Ngụ-ngôn mới hữu dụng, bởi vậy mà Ngụ-ngôn thành có thể. Mười câu Ngụ-ngôn thì được người thích đến chín câu « Ngụ-ngôn thập, cửu. » Trang-tử đời xưa nói câu như thế là hiểu cái nhẽ đó; Trang-tử làm sách, hơn mười vạn nhờ, mà dùng toàn nhờ Ngụ-ngôn, là thi hành cái nhẽ đó. La Fontaine sau này tất cũng hiểu, cũng thi hành một cái nhẽ đó, nên mới cũng làm sách Ngụ-ngôn và cũng có câu rằng :

« Cứ nói thuần luân lý, thì dễ sinh lòng chán nản ;
Có mượn truyện kể ra, thì luân lý mới trôi
[chảy. » (1)

Sa-Đéc

12/18/2015

Ngụ-ngôn đã có ích, được việc như thế, cho nên Ngụ-ngôn, dù chỉ là một lối văn phụ, nhưng thực dễ sinh nở, xưa nay bao giờ cũng có, Đông, Tây xứ nào cũng thấy.

Người ta nói được rằng gốc tích Ngụ-ngôn bắt đầu có từ khi cái trí con người biết tưởng tượng, từ lúc con

(1) « Une morale nue apporte de l'ennui,
Le conte fait passer la morale avec lui. » (La Fontaine)

người biết mượn nhờ bóng bảy để diễn tư tưởng của mình. Người ta lại nhận rằng Ngụ-ngôn cổ không kém gì những câu tục ngữ, ca dao rút cổ. Tục ngữ, ca dao, có biết bao nhiêu câu, thực đã như những nhờ kết luận của các bài Ngụ-ngôn lấy ra còn dư lại, hay Ngụ-ngôn, có biết bao nhiêu bài, chẳng qua chỉ là những câu tục ngữ, ca dao xưa đem phụ diễn cho nó rộng ra thôi. Bốn chữ « Nói dối hay cùng » mà đã như câu kết luận thiên nhiên của bài « Người bán mộc, bán giáo » (bài số 66), thì bốn chữ « Mặt چرا, mướp đấng » cũng đem bày được một cái trò hai người đi lừa mà rồi cùng mắc lừa nhau (bài số 103). Câu : « Hơn nhau tấm áo manh quần, Thả ra bóc trần ai cũng như ai » mà diễn được cái tích ông Di-Lặc và ông Hộ-Pháp nói truyện với nhau (bài số 67), thì câu « Gáo đồng mức nước giếng tây, Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta » cũng đóng được cái bài Con lợn, con hồ và con cừu (bài số 12) rất tài tình thú vị.

Vì cái gốc tính của Ngụ-ngôn tối cổ như thế, mà các nơi xuất sản ra Ngụ-ngôn, thực không biết dò vào đâu cho chắc đúng. Người ta không sao đoán định chắc rằng Ngụ-ngôn chỉ có riêng ở một phương nào, hay chỉ một xứ nào đặt ra được mà thôi. Người ta cũng không sao cả quyết hẳn rằng bài Ngụ-ngôn nào là chính của tác giả nào nghĩ ra trước, hay chỉ có một tác giả nào có thể làm được mà thôi. Phương Tây có cái bài « Con lang rút gai cho con lừa », thì Phương Đông cũng có cái bài « Con chim rút xương cho con sư tử ». Châu Âu có cái bài « Lũ chuột cứu mình cho sư tử », thì châu Á cũng có cái bài « Lũ chuột cứu mình cho voi ». Nước Pháp bảo sản ra cái bài « Chị bán sữa và lọ sữa », thì nước

Nam cũng cho soạn được cái bài « Tai hồng ngõ là đồng tiền ». Ông Y-Sách làm cái bài « Lừa đội lốt hồ » có nghĩ tới ông Giang-Nhất giảng cái bài « Hồ mượn oai hồ » cho vua Tuyên-vương nước Sở chẳng? Ông Tô-Tần nói truyện « Con trai, con cò » với vua Huệ-Vương, có ngờ đến câu ca dao cũng « Con trai, con cò » của ta, cái bài « Con sò và hai bác đi kiện » của La Fontaine, và bao nhiêu bài không rõ của ai: « Hai đứa bé và quả bưởi », « Hai con chó và con mèo », « Hai con mèo và con khỉ », « Hai thằng ăn trộm và con lừa », « Người hành khách, người mã phu và con ngựa » hay không ?

Hay chẳng qua các bài Ngụ-ngôn phương này với phương nọ cùng ngụ một ý không khác gì nhau mấy, đại đồng tiểu dị mà thôi ? Hay chẳng qua các nhà Ngụ-ngôn nước này với nước khác cũng diễn một cái tư tưởng giống như nhau, chỉ có cái tiếng nói, cái văn thề là không giống nhau mà thôi ? Đã sinh làm người, văn minh, học thức dù có khác nhau, nhưng đâu cũng là người, cũng có tư lự thất tình in như nhau cả.



Tư tưởng con người vốn là một đã đành, song tư tưởng lại còn phải tùy chỗ đất gieo mà nảy nở chóng hay muộn, dễ hay khó. Chỉ xét cái khoảng vào độ vài trăm năm nay, thì Ngụ-ngôn ở bên Phương Tây như số phần thịnh đạt, cùng với văn hóa người Tây mà truyền lan đi khắp thế giới. Nhưng ta chớ nên thấy thế, mà đã vội cho Ngụ-ngôn là tự bên Tây Phương, bên Châu Âu xướng suất lên trước. Ngụ-ngôn vốn sinh tự Đông Phương sớm hơn cả.

Chính những nhà Ngụ-ngôn bên Âu cũng công nhận như thế.

Người Đông Phương sở dĩ mà có Ngụ-ngôn sớm, là vì người Đông Phương văn minh sớm, mà trong sự Văn-minh, thì tất phải lấy Văn-chương làm đầu. Người Đông Phương thường hay ưa chơi cây cối loài vật, chẳng những coi muôn loài chúng sinh cũng như mình, lắm khi vu hoặc lại còn kính thờ nên Thần, nên Thánh nữa. Người Đông Phương lại có tính cầu thả thích mơ tưởng những sự hoang đường, lắm khi mượn những truyện bề ngoài thơn thớt nói cười; mà bên trong thực ngụ những ý thâm trầm sâu sắc. Người Đông Phương lại còn hay chịu cái quyền quân chủ áp chế, đã quen thân phận phải làm tôi đòi, ngón luận không được tự do, nên khi có ý nghĩ riêng, thường không dám nói thẳng, phải tìm đường nói cạnh, nói xa, nói bàng quơ, nói bóng gió, nói châm chọc, ... Vì mấy nhẽ ấy, mà đối với người Đông Phương, Ngụ-ngôn không phải là truyện con trẻ, truyện trò chơi mà chính là truyện đứng đắn của người lớn vậy.

*
* *

Ta nói chung cả người Đông Phương như thế. Nhưng ta nên nhận bên Đông Phương riêng có một nước, xưa nay ai cũng phải coi như gốc tích của Tư-tưởng, mà tức là gốc tích của bao nhiêu truyện hoang đường viển vông, bao nhiêu truyện triết lý hay Ngụ-ngôn. Nước ấy là nước Ấn-độ, nước Thiên-trúc nhà Phật (1).

(1) Đối với nước ta, nước Tàu, thì Ấn-độ ở về Tây-phương.

Cứ theo các kinh kệ bây giờ còn lại, thì xưa đức Phật Thích-ca, lúc chuyển pháp luân, đã từng dẫn biết bao nhiêu truyện loài vật, cây cối để khiến cho các tông đồ dễ hiểu được Đạo mình. Tuy vậy, Phật Tồ có dùng đến Ngụ-ngôn, cũng là vụn vặt dĩ dề phụ họa thêm vào lý thuyết mà thôi, cho nên không ai dám coi Phật là một nhà đã sáng tạo ra lối văn Ngụ-ngôn.

Người ta thường tôn một người khác làm ông Tồ Ngụ-ngôn, tức là ông Bidpai hay Pilpay (1) hay Lokman (2). Cái lịch sử của ông Bidpai cũng là lờ mờ, không lấy gì làm chắc, không ai biết rõ ông quê quán ở đâu, Bắc Ấn-độ hay Nam Ấn-độ? ông sinh vào thời nào, năm trăm năm hay những hai nghìn năm trước kỷ nguyên Gia-tô? Nhưng có những sách vẫn kể lại rằng ông vốn là một nhà tu sĩ Bà-la-môn, và có công giúp rập vua Dabchélim (?). Nhưng tính ông ngạo nghễ, thường hay hặc cả vua, nên vua đã tống giam ông vào ngục mất mấy năm. Sau vua lại phải triệu ông ra để hỏi ông về việc thiên cơ và nhờ ông làm một quyển sách để giáo hóa cho các hoàng thân cùng chúng dân. Đây giờ ông mới soạn một quyển sách bằng chữ Phạn tinh nói về loài vật để nhan là Pantchatantra (nghĩa là Ngũ thư) và mấy quyển phụ sau nữa. Hiện nay quyển Pantchatantra đâu vẫn còn, coi là quyển Ngụ-ngôn tối cổ trên hoàn cầu, và sau đã dịch ra bao nhiêu thứ tiếng mà lan đi khắp mọi nơi, một mặt sang Tây-tạng, sang Trung-hoa, một mặt sang A-kích-bá, Ba-tư rồi truyền đến mãi bên Hi-lạp, La-mã.

(1) Tiếng Bidpai hay Pilpay có nghĩa là Thầy lang hay Chân Voi.

(2) Tiếng Lokman nhiều sách lại dùng để chỉ một nhà Ngụ-ngôn người nước A-kích-bá chứ không phải người nước Ấn-độ.

Tại Ili-lap, vào khoảng thế kỷ thứ VI tr. Th. Ch. có ông Esope, chữ Tàu dịch là Y-sách, tuy không là người sáng lập nên Ngụ-ngôn, nhưng thực là người đã có công chấn hưng Ngụ-ngôn vậy. Ông Esope vốn là một tên nô lệ xấu xa tàn tật, nhưng thông minh khôn khéo, thường dùng Ngụ-ngôn đem diễn thuyết để bày tỏ ý mình, để khiến người hiểu được điều hay, nhẽ dở mà hành động cho phải chăng. Thời bấy giờ, người ta trọng ông, quý ông, muốn cho tao nhiều trẻ được học Ngụ-ngôn của ông cũng như được bú sữa mẹ vậy. Người ta lại nói ông được thoát vòng nô lệ là do Ngụ-ngôn, ông được vui thú sung sướng, là nhờ Ngụ-ngôn, mà sau ông bị mũi gươm giết chết, cũng vì Ngụ-ngôn !

Nhưng ông Esope chỉ mới là người kể Ngụ-ngôn, nói Ngụ-ngôn, chớ chưa phải là một nhà thi sĩ cầm bút viết Ngụ-ngôn, cũng như ông Bidpai, chỉ mới là người phác Ngụ-ngôn, chép Ngụ-ngôn, chớ chưa phải là một nhà văn sĩ, tô điểm cho Ngụ-ngôn nên văn, nên vẻ. Cái thời kỳ tự ông Bidpai đến ông Esope, cái thời kỳ Ngụ-ngôn còn thực thà chất phác, còn thuần triết lý đạo đức chưa có chút gì là văn chương hoa mỹ ấy là cái thời kỳ đệ nhất của Ngụ-ngôn, Ngụ-ngôn mới phôi thai ra mà thôi.

Phải đợi đến năm trăm năm về sau, tại nước La-mã, mới có người thực dụng tâm lấy văn chương mà trang sức cho Ngụ-ngôn, làm cho Ngụ-ngôn đã hay về đường ý tưởng, lại đẹp cả về phần chương cú. Người ấy là ông Phèdre. Chính ông Phèdre không đặt ra được mấy bài Ngụ-ngôn, ông không phải là một tay sáng tạo. Nhưng ông biết đem những bài của ông Esope ra mà sửa sang, xếp đặt lại, mà bào, gọt, mài dũa đi, từ cách bày trò,

đồng vai, cho đến cách ăn mặc, cử động, nói năng, đều là vui đẹp, thực nên trang mỹ thuật. Lắm bài của ông, cái giọng gay gắt cay chua, nhưng cái văn thuần thực, thanh nhã, khiến cho người đọc phải lấy làm khoái trá. Cái thời kỳ ông Phèdre, cái thời kỳ Ngụ-ngôn chải chuốt đẹp đẽ, điều hòa được cả đôi bên, ý ngụ ở trong, văn bọc ở ngoài, ấy là cái thời kỳ đệ nhị Ngụ-ngôn, Ngụ-ngôn đã rắn rỏi trưởng thành.

Từ đó trở đi, các nước bên Châu Âu sản xuất ra nhiều nhà làm Ngụ-ngôn, nhưng cũng không có ai lỗi lạc xuất quần hẳn.

Người ta, cho mãi đến thế kỷ thứ XVII mới là cái thời kỳ đệ tam của Ngụ-ngôn, Ngụ-ngôn gặp được một buổi coi như là hoàn hảo.

Trong thời kỳ ấy, có ông La Fontaine là người nước Pháp nổi danh về Ngụ-ngôn. Ông La Fontaine không phải tự tìm, tự đặt lấy được Ngụ-ngôn. Bao nhiêu bài của ông đều là mượn cái ý của ông Esope cả, song ông thật khéo lựa ngôi bút, tả diễn được một cách rất tự nhiên, giản dị, thú vị, tài tình, nhòì trăm qui dù có khi như quên bỏ, nhưng truyện kể, thì bao giờ cũng rất hay, thực là kiệt tác vậy. Ông là một nhà thi sĩ hơn là một nhà đạo đức. Người Pháp mến ông, kính ông, liệt ông vào những bậc danh sĩ nhất trong nước, và, hiện nay, nghĩa là cách xa đã ngót hai trăm rưỡi năm, các trường bên Pháp đâu đó vẫn tưng đọc ông, từ đứa bé lên sáu, lên bảy lớp Đồng-ấu cho đến người trưởng thành các Đại Học-đường cũng biết đến danh hiệu, văn chương của ông cả,

Kể những nhà làm *Ngụ-ngôn* ở nước Pháp, thì sau còn ông Perrault, Fénelon, Voltaire, Florian, Le Bailly, Boisard, Arnault, Ratisbonne, ... mà trong bấy nhiêu ông, thì có ông Florian được thiên hạ hoan nghênh hơn cả, hoan nghênh về cái phần đạo đức ngụ trong *Ngụ-ngôn* hơn là về cái phần văn thi, không sao ông nổi gót được ông La Fontaine.

Ở nước Anh, *Ngụ-ngôn* cũng có nhiều, nhưng thường dùng về mặt chính trị để bao biện Chính-phủ hơn là dùng về mặt luân lý để giáo hóa dân gian. Những nhà *Ngụ-ngôn* nước Anh thì có ông Moore, ông Calton, ... và nổi danh nhất là ông John Gay.

Ở nước Đức, *Ngụ-ngôn* có cái tính chất phác, thân mật và gần dân tình hơn ở nước Anh. Những nhà *Ngụ-ngôn* trứ danh nước Đức là ông Goethe, ông Schiller và nhất là ông Lessing.

Ở nước Ý, thì trước có ông Ménage, ông Commire, sau có ông Laureul Abstémus, ông Milan, ông Berthola, ... làm *Ngụ-ngôn* cũng có tiếng.

Còn ở nước Nga, nước Bồ-đào-nha, nước Thụy-điền, nước Hà-lan, tuy có sản ra *Ngụ-ngôn*, nhưng cũng không lấy gì làm đặc sắc, thường thường chỉ như muốn bắt chước nhập môn, nhập phái ông La Fontaine cả.

*
* *

Ấy *Ngụ-ngôn* phát khởi từ Ấn-độ rồi truyền sang Tây-phương, nghĩa là truyền sang châu Âu đại để là như thế. Còn *Ngụ-ngôn* từ Ấn-độ mà truyền sang bên Á-đông thế nào, ta không được rõ, vì ta không biết khảo cứu vào

đâu cho tường. Ta chỉ chắc rằng Ngự-ngôn, nếu thực tự Ấn-độ phát ra trước, mà có thể lan sang mấy nước bên Á-đông ta được, thì tất phải đi theo Đạo Thích, cùng nhờ thuyết pháp hay kinh kệ (1) mà sang.

Và chẳng, ta đều biết rằng bên Á-đông văn hóa nước Trung-hoa cổ cũng không kém gì văn hóa nước Ấn-độ. Nước Ấn-độ mà có lối văn Ngự-ngôn từ bao giờ, thì nước Trung-hoa cũng có thể có lối văn ấy từ bấy giờ hay trước nữa, không phải đợi học Ấn-độ rồi mới biết.

Ở nước Trung-hoa, Ngự-ngôn có lẽ có từ đời Nhà Chu, nghĩa là từ hơn ba nghìn năm nay rồi, nhưng lúc bấy giờ chẳng qua cũng chỉ lẻ loi có một vài bài mộc mạc gạ nhời vào con gà, con quạ mà thôi.

Phải đợi đến mấy trăm năm sau, vào đời Xuân-thu, Chiến-quốc, Ngự-ngôn mới gặp được buổi cực kỳ thịnh đạt. Thời bấy giờ, các nước chur hầu, cát cứ tranh hùng, nước này muốn thôn tính nước nọ, nước nọ muốn liên hợp với nước kia, hay một nước muốn cho mấy nước phân lìa nhau, mà thành như dựng lên được một lối văn riêng về nghề đi du thuyết, tức ngày nay gọi là ngoại giao vậy. Trong lối văn du thuyết, muốn khiến cho Vua, Chúa dễ cảm động, xiêu lòng nghe ngay, thì không gì bằng dùng Ngự-ngôn, đem Ngự-ngôn dẫn vào câu nói. Nhờ Ngự-ngôn mạnh mẽ đậm đà, chua chát, hay ngọt ngào như các đồ gia vị, thực là dễ đưa đầy đầu lưỡi hay ngọn bút. Các nhà danh sĩ bấy giờ đã sẵn có cái tài hùng biện lại nhân gặp được buổi ngôn luận tự do, tha hồ mà bày đặt, mà nói

(1) Những pho kinh trong có nhiều truyện Ngự-ngôn là Thích du kinh, Sinh kinh, Nghĩa túc kinh, Lục độ tập kinh, Bồ tát anh lập kinh, . . .

năng, mà làm sách không sợ ai ngăn cấm. Các nhà ấy, tuy không chuyên trị riêng về một khoa Ngụ-ngôn như các nhà bên Ấn-độ, Hi-lạp, chỉ dùng Ngụ-ngôn để chứng minh điều lý thuyết của mình, về mặt đạo đức hay đường chính trị, nhưng thực cũng mượn đến khắp cả loài vật, cây cối, đồ vật, người, ma, Thần, Thánh không sót gì. Bài thì cay đắng chua xót, bài thì sâu xa thâm trầm, bài thì lá lơi khắt khe, bài thì vui vẻ thú vị, bài nào cũng có giá trị (1), chẳng những chỉ cảm động được Vua Chúa, mà thực giáo hóa được cả dân gian; chẳng những đặc dụng riêng cho một thời bấy giờ, mà thực hữu ích cho cả muôn đời về sau được.... Đây ta không thể kể cả mọi nhà và đặc tính riêng của mỗi nhà. Ta chỉ liệt qua mấy nhà như: Tô-tần, Chương-nghi, Dương-tử, Mặc-tử, Trang-tử, Liệt-tử, Lã-thị Xuân-thu, Tử-hoa-tử, Hùn-phi-tử Long-môn-tử, Mạnh-tử, ... để gọi là ghi qua cho biết tên mà thôi. Ấy là ta không nói trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Xuân-thu, cả đến kinh Dịch, kể lược ra cũng được nhiều bài thuộc về thể Ngụ-ngôn.



Ngụ-ngôn ở nước Việt-nam nhà, cũng như ở nước Tàu, có kẻ đã lâu lắm. Ta không nói chỉ những bài của ta làm bằng chữ Hán, như Long-hồ đầu kỳ, Vũ-trùng đốc thắng, Hắc-thị Bạch-thị, Tam vật truyện, Đại ngu ngôn, ... ta chỉ xem những câu tục ngữ, ca dao cổ, cũng đủ biết. Chỉ riêng một loài vật, loài cây, ta đã lược được biết bao nhiêu câu, thường khi chỉ độ năm, mười chữ như :

(1) Trong sách « Cổ học tinh hoa » đã tạm dịch được ít bài,

Mật ngọt chết ruồi,
 Giàu đồ, bìm leo,
 Tôm tép nhảy, ốc nhồi cũng nhảy,
 Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết,
 Quạ mà đã biết quạ đen,
 Có đâu quạ dám mon men với cò,
 Mèo tha miếng thịt, thì đòi,
 Kẽnh vồ con lợn, mắt coi chừng chừng,...

mà thực rõ ra thuộc về thể Ngụ-ngôn, ngụ được những chân lý vĩnh viễn, nếu khéo đem diễn giải ra, thì chắc được những bài có giá trị.

Lắm khi lại không cần phải đợi diễn giải, toàn thể bài Ngụ-ngôn đã như thiên thành tự có sẵn rồi, bây giờ, dù cho ai tài giỏi, cũng không sao di dịch được một chữ hay bình phẩm được một nhời nào :

Cái trai mày hă miệng ra,
 Cái cò nó mồm, muốn tha thịt mày.
 Cái cò mày mồm cái trai,
 Cái trai quặp lại, muốn nhai thịt cò.

Bốn câu này đối đáp mạnh mẽ, rõ ra hai anh chỉ lăm lăm muốn nuốt lẫn nhau, có khác gì câu « Bạng, đuật tương tri » của Tô-lần nói với Vua nước Triệu đòi Chiến-quốc ?

Tò vò, mày nuôi con dện,
 Ngày sau nó nhón, nó quện nhau đi,

Tò vò ngồi khóc tí ti :

Nhện ơi ! Nhện hỡi ! mày đi đằng nào ?

có phải như cái nhời ngậm ngùi than thở của một kẻ làm ơn nhà người vô ơn, mất công mà không được đồng thưởng, trồng cây mà không được ăn quả chẳng ?

Con mèo, mày trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà.

Chú chuột đi chợ đường xa,
Mua mắm, mua muối giỗ cha con mèo.

có phải như cái trò kẻ khỏe làm ra chiêu ngọt ngào để chực nuốt kẻ yếu, còn kẻ yếu thì lại làm ra bộ trung hậu để chửi rửa lại cho nó bẩn hay sao ?

Cái bóng, đi chợ cầu Canh,
Cái tôm đi trước, củ hành đi sau.

Con cua lạch đạch đi hầu,
Cái chày rơi xuống vỡ đầu con cua.

có phải như một lũ chết dẫm chỉ đua nhau làm đồ ăn cho người ta, người ta nấu, người ta rang, người ta đập cho vỡ đầu ra, mà cũng không biết gì, vẫn còn rủ nhau, đưa nhau vào cái chết ?

Con cò chết rũ trên cây,
Cò con giờ sách, xem ngày làm ma.

Cà cuống uống rượu la đà,
Chim đi riu rít, bò ra lấy phần.

Bốn câu này thực dựng nên hẳn một bức hoạt tượng về sự ma chay, đủ cả đưa con mê tín, người làng tham lam, thiên hạ chê bai, ai cũng như có phần, được việc, duy

chỉ có kẻ chết phải chịu hết đường thiệt thòi, mà đành rồi chết rũ, chết «thối ma» ra mà thôi?...

Ngụ-ngôn của ta lấy từng câu, rồi từng bài tối cổ mà nghĩa lý như thế, chất phác thuần nôm mà văn chương kỳ thú như thế. Đến cả những truyện dài Ngụ-ngôn của ta cũng rất hay, kể không kém gì những tiểu thuyết Ngụ-ngôn ở bên Âu về thời Trung-cổ (fabliau). Không nói bao nhiêu những truyện làm bằng tản văn như truyện : Gan cóc tía, Làm ơn nên oán, Tại làm sao con rắn bẹp đầu, con cò có mào, con rết lấm chân,... thuộc về lối truyện cổ tích, ta vẫn kể cho trẻ nghe, thì còn những truyện làm bằng vận văn rất có giá, xưa nay dân gian vẫn đọc để mua vui, và bây giờ, tưởng đem làm sách giáo khoa ở các học đường cũng là nên lắm. Nào việc kiện cáo thì kể trong Truyện Trê cóc ; nào gương trình tiết, thì bày trong Truyện Trinh thừ ; nào ai tranh công mển chủ thì xem truyện Lục súc tranh công ; nào ai so đo hay hèn, thì đọc truyện Hoa điều tranh năng ; nào ai chuộng sắc, ưa tài, thì ngâm truyện Bướm hoa tân truyện (1),...

*
* *

Ngụ-ngôn là gì, mục đích, chủ nghĩa, thể tài Ngụ-ngôn thế nào, Ngụ-ngôn lợi dụng làm sao, Ngụ-ngôn trải qua các thời đại, ở các nước Phương Tây, Phương Đông thế nào, chúng tôi kể lược ra đây, là có ý mong các Độc-giả chú ý đến một lối văn, tuy xưa nay vẫn có, vẫn dùng, nhưng ta chưa tôn lên được một cái địa vị thật xứng đáng với nó. Chúng tôi vẫn biết Ngụ-ngôn là một lối văn tầm thường,

(1) Mấy truyện này sắp in có chú thích cần thận.

không có giá như Thơ Đường Luật, bài trăm ngôn, nhưng chúng tôi thiết nghĩ, khi lối văn ấy có thể đem phụ họa vào các lối văn khác như gấm thêm hoa, khi lối văn ấy chẳng những có nghĩa lý lại có cả kỳ thú, bề ngoài tuy ra dáng trẻ con cưỡi lừa, mà bên trong thực hàm được những chân lý chắc chắn sâu xa, chấn chỉnh được phong tục, giáo hóa được nhân tâm, thì cũng không ai chê được là vô ích mà đem bưng bình nhờn.

Bởi vậy chúng tôi mới soạn ra quyển Ngự-ngôn này, nhan là Đông Tây Ngự-ngôn.

Chúng tôi không dám tự phụ là sáng lập gì. Chúng tôi chỉ thu thập những truyện Ngự-ngôn cũ, bất phân là chính của nước nhà hay mượn của nước Ngươi, của Tây-phương hay của Đông-phương. Nhưng chúng tôi không phải cứ nguyên văn mà dịch thẳng từng câu, từng chữ. Chúng tôi có mượn, là chỉ mượn cái đại ý ngụ ở trong, rồi đem phụ diễn ra tiếng Nam, cố giữ làm sao cho nó hợp với tinh thần tiếng Nam mà tức là hợp với tâm lý người Nam vậy.

Phần nhiều những bài đây, trước chúng tôi đã soạn bằng tản văn, đăng trong Học Báo hay in trong sách đọc bản của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi đem soạn ra vận văn, không câu nệ riêng một lối nào, tùy theo cái thể bài, mà làm hoặc lối lục bát, song thất lục bát, hoặc lối tam thất, cô phong hay hành ngâm, ... là có ý cầu cho thay đổi, khi đọc, khi ngâm không đến nỗi chán nản.

Chúng tôi thực không dám cầu kỳ hoa mỹ gì cho lắm, chúng tôi chỉ cốt vụ cho được phân minh, giản dị, từ đạt được ý mà thôi. Chúng tôi cũng biết trong nhiều bài, hoặc còn có câu chưa được chải chuốt, vì cái văn nó bó buộc,

mà chữ dùng không được ổn. Xin đề sau này dần dần sửa lại, hoặc nhờ được các nhà văn sĩ nhã chính cho, thì chúng tôi lấy làm hân hạnh lắm.

Chúng tôi dám xuất bản quyển Đông Tây Ngụ-ngôn này, mục đích quả không dám giờ giới văn chương gì. Chúng tôi chỉ có ý hiển các cụ, các cậu học sinh ở những trường Sơ-đẳng, lựa kén được ít bài tập đọc hay học thuộc lòng, cho nó gọi thêm có bài dùng trong cái thời kỳ sách quốc văn giáo khoa còn đang hiểm hoi này. Mong rằng các nhà giáo dục lượng xét, chúng tôi được cảm tạ vô cùng.

Hà-nội, ngày mồng một tháng sáu, năm Đinh-mão,

N. V. N.

Sa-Đéc

12/18/2015

ĐÔNG TÂY NGỤ NGÔN

NGỤ NGÔN

*Ngụ ngôn tức là nhời nói gửi,
Đem nhẽ xa kêu gọi lòng người.
Văn chương, ý tưởng tuyệt vời,
Gồm trong Bề Học, Rừng Cười làm gương.
Xem câu truyện mở mang thần trí,
Tỏ nhân tình, vật lý như in.
Lòng người như máy, như then,
Một nhời xiết cạnh, chín nghìn roi song.
Nói mát nước, tránh lòng thối đá (1).
Rửa trong nguồn phong hóa muôn trâu.
Ai ơi! ngắm thử cơ màu.*

(1) Mát nước thối đá (Tục-ngữ)

1. HAI BÀN TAY

Hai bàn tay chia hai phải, trái.

Bồng sinh điều ra cãi đánh nhau.

Trái mắng : « Kề lau chau vội chóng !

— Phải chê : Ai lóng ngóng ngượng ngừng ! »

Hai tay quyết thị hùng đánh vật.

Sấn tay vào, lại bắt tay ra.

Thoáng một chốc, máu lọa đỏ loe,

Mười ngón tay nhón bé cùng đau.

Khắp mình mảy, vai, đầu đau hết.

Vì hai tay không biết nhịn nhường.

Thế mới rõ : dở ương là dại,

Và lấy người, mà lợi ích chi !

2. MỒM VÀ CHÂN TAY

Cả ngày làm việc nhọc thay,

Một hôm tức giận, chân tay hợp bàn :

« Ta đi, ta lại khốn thân,

Ta cắt, ta nhắc đau rần cả xương.

Bốn ta chịu khổ trăm đường,

Thế mà sung sướng lại nhường phần ai !

Thôi thôi ! ta cứ ta chơi,

Thử xem ông Miệng, ông xoi bằng gì ? »

Bàn rồi, thuận cả tứ chi :
 Chân thì thôi bước, tay thì để không.
 Nào ngờ, mẹo ấy bất thông :
 Miệng kia bỏ trễ, thân trông một gầy.
 Quả nhiên, chưa được mấy ngày,
 Hai chân mòn yếu, hai tay rụng rời.
 Tỉnh ra mới biết đại rồi,
 Tưởng là vô ích, thực thời hữu công.
 Miệng mà để đói sao xong ?

3. CHIM BỒ-CÂU VÀ ĐIỀU-HÂU

Nhớ xưa có truyện đàn chim,
 Bồ-câu đói thóc (1) xa tìm mồi ăn.
 Bỗng gặp quạ mặt hắc dữ độc,
 Mò chim câu trụi trọc xác xơ.
 Điều-hâu lại tỏ vẻ lơ :
 « Ta đừng đánh quạ, tước cờ lông công.
 — Chim câu vái : Nhờ ông giúp hộ ... »
 Đoạn rước mồi về tổ trông con.
 Điều-hâu vào lọt cửa tròn.
 Bao nhiêu trứng ấp, chim non sạch lầu.
 Thế mới biết chim câu là đại,
 Bỗng rước voi đưa lại giày mò !
 Không hay tự lập cơ đồ
 Quỷ tha, ma bắt, mong hồ cậy ai !

(1) Thóc dâu, bồ-câu đấy (Tục-ngữ)

4. CON NGỰA VÀ CON HƯƠNG

Một con ngựa cánh đồng ăn cỏ,
 Tiếng lầy lừng làm chúa ngàn cây.
 Con hương tài chạy như bay,
 Sấn vào hái lộc, giẫm cây cỏ đồng.
 Ngựa gầm thét, nghĩ lòng căm tức,
 Muốn trả thù, mà sức khôn kham.
 Rạo tìm cội bắc, miền nam,
 Cây người báo phục, mới cam tắc lòng.
 Người bảo ngựa : « Này cung nỏ sẵn,
 Minh công ta sẵn bắn đàn hương. »
 Ngựa nghe khắp khởi thuận chiều,
 Đóng yên, thẳng đái, đặt diu dây cương.
 Người nhảy tốt lên đường dong ruồi.
 Hương băng ngàn, ngựa mỗi chồn chân.
 Đã căm không báo được hân,
 Mà người giẫm buộc, cười quần xót xa.
 Kia ai công rắn cắn gà,
 Gà bay xa lắc, con xà (1) vắt lưng.

5. CON RUỒI VÀ CON TRÂU

Ruồi đã bé, mà thân nhẹ tộp,
 Đậu sừng trâu đầu chớp xênh xang.
 Ruồi ta tưởng đã về vang.
 Thấy trâu hục hặc, nghĩ thương nặng nề.

(1) Con rắn.

Rằng : « Ta cười, ta e mày nặng,

Mày van ta, ta căng bay đi.

— Trâu nghe, mở miệng cười phì :

Ta thề ta chẳng hề chi thấy mày.

Mày dù đậu, dù bay nào biết,

Nhớ vắng sừng mày chết thì oan. (1) »

Lòng kiêu đại kẻ thế gian,

Thân ruồi thử nghĩ có quan hệ gì ?

6. TRAI VÀ CÒ

Trai bến nước lặn mò lên bãi,

Hé miệng sò, thề lưỡi ăn rêu.

Cò bay qua lại dặt diu,

Tìm mồi, ra bến thủy triều hôm mai.

Cái cò mày mò cái trai,

Cái trai quặp lại, muốn nhai cái cò.

Cò rằng : « Cò chẳng hề lo,

Không mưa trai chết, cò rò lên cây.

— Trai rằng : Cò mắc mỏ này,

Trai diu xuống nước, cò bay đăng trời.»

Cò trai giằng giữ không rời,

Bồng đầu thoát gặp ông chài chớp ngay.

Biết xưa câu truyện thế này,

Chẳng thà một lặn, một bay cho rồi.

(1) Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết (Tục-ngữ)

7. BA CON CÁ

Ba con cá gặp kỳ nước cạn,
 Một con đầu chạm trán nhảy luôn.

Con nhì còn rắp mưu khôn,
 Nửa chừng mắc lưới, vượt tuôn ra ngoài.
 Con thứ ba nằm dài đợi nước,
 Chốc bị người bắt được về bả.

Nước đời, nên trước dò thăm,
 Cá nằm trên thớt, còn lăm le gì?

8. CON ĐOM-ĐOM
VÀ CON CỐC

Đêm trường, quăng vắng,
 Trong đám cỏ đen,
 Đom-đom lập lòe tia ánh sáng,
 Sáng trông nhấp nhোáng như ngọn đèn.

Cốc ở trong mà
 Xù xì nháy ra;
 Hăm hăm tức giận liền phun nọc.
 Phun xong, nín hơi ngồi ậm à.

Đom rằng: "Ta sáng kệ ta.

— Cốc rằng: Bời tại sáng mà

9. CON LANG VÀ CON CỌP

Một con lang
Đi kiếm mồi,
Được con lợn,
Tha về đồi.
Lội ý ọp,
Thờ nghi ngóp.
Bỗng gặp cọp,
Đầu đến chộp,
Hoài công ky cốp cho cọp xoi !
Con lang khóc đứng, khóc ngồi :
« Lợn ơi hỡi lợn ! Hầm ơi là hầm ! »
Con hồ nghe thoảng, cười ầm :
« Thôi con lợn ấy còn ham tiếc gì !
Cũng là cái của gian phi,
Anh đi ăn trộm, họ thì giết anh.
Ở đời cái nhẽ vòng quanh,
Những loài quạ, cắt thường tranh lẫn mồi.
Tiếc nào được của trời ôi ? »

10. CON TẦM VÀ CON ĐỆN

Dện lên mặt chế tầm rắc rối :
« Cũng học đòi làm sơi chẳng tơ.
Hình thù quả kén bơ xò,
Sao bằng mắc võng lửng lơ giữa trời,

Minh thử ngẫm xem ai tài rạng,
 Sợ tơ mảnh khéo mạng nên hoa.
 Mong manh màng lưới bỏ sa,
 Lục lăng, bát giác xinh đà thêm xinh !
 Tầm nghe truyện, lơ tình chưa nói.
 Phút người nhà ngọn chồi đưa qua :
 Dện đang rún rây la đà,
 Mọi đường thêu mạng bồng mà sạch không.
 Còn tầm vẫn nằm trong tò kén,
 Khéo nương mình chỗ kín hóa thân (1).
 Tầm hay ích lợi nhân quần.
 Tiếc thân con dện mấy lần vương tơ.
 Tầm vương tơ, dện cũng vương tơ,
 Mấy đời tơ dện được như tơ tầm (2).

11. CON RẪN VÀ CON ĐĨA

Rắn với đĩa phàn nàn thân phận :
 « Đôi ta cùng hay cắn đốt người.
 Có sao chỉ ghét mình tôi ?
 Nghĩ mà căm giận con người bất minh.
 — Đĩa đáp lại : Thế anh không rõ :
 Tôi đốt người, người có cần chi ?
 Nọc anh mà đốt ai, thì ... »

(1) Tầm hóa ra dộng (nhộng).

(2) Câu ca dao.

12. CON LỢN, CON HỒ VÀ CON CỪU

Lợn khoe lợn thịt ngon và béo,
 Hồ khoe hồ da dẻo, lông trơn.
 Còn cừu cậy cừu hơn hai gã:
 Thịt vừa ngon, tốt cả da, lông.
 Chợt con hồ ở trong rừng thét,
 Nhảy ra vồ, xơi thịt cả ba!
 Thét rằng: "Khéo bay là nô lệ.
 Tốt thịt da, chỉ để người xơi.
 Còn khoe mẽ, cậy tài chi tá!
 Cũng một phường chết xả tan thân."

Gáo đồng mức nước giếng tây,
 Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta (1).

13. CON MÈO VÀ CON GÀ MÁI

Gà gặp buổi trở trời ngây ngất.
 Mèo sang thăm, lật đặt hỏi rằng :
 "Bệnh thế nào, đã bớt chẳng ?
 Thiếu gì, tôi giúp, xin đừng ngại chi.
 Quí hồ chị chóng khỏi đi.
 Tình tôi với chị, quản gì chị ôi !
 — Gà nghe nói, mấy nhời đáp lại :

(1) Cậy cớ đao.

Cái bệnh tôi chỉ tại điều này :
Xin anh đừng có đến đây,
Anh đi khỏi mắt, tôi nay nhệ mình.
Thăm thăm, hỏi hỏi chỉ anh ! »

14. CÁI TRANH ĐẸP

Anh này anh !
Có cái tranh
Của thằng Đẽ
Đẹp đáo đề !
Tôi muốn cướp lấy chơi.
Nó yếu làm gì tôi ?
— Em cướp được tranh rồi,
Anh lại lấy mất thôi !
Anh nhớn, khỏe hơn em gấp mười
Em bé chẳng còn tranh mà chơi.
Chớ cậy khỏe dè người
Cốc mò cho cò xơi.

15. NGÒI BÚT XẤU

Cha này ngôi bút xấu !
— Đưa đây tao xem nào.
Ngôi bút tốt đến đâu.
— Thế này viết làm sao ?

Viết sồn rách cả giấy,
 Cứng hơn là que củi,
 Nào như là bồ cào,
 Quêch mực tay đen thui !
 — Que củi với bồ cào ?
 Con biết tại sao vậy ?
 — Con chỉ biết bút xấu.
 Hay thế nào ? Cha dạy.
 — Không phải là tại bút,
 Chỉ trách ở tay người.
 Đồ tốt cũng hóa xấu,
 Vì đã dốt lại lười.

Này thôi đừng như ai :
 Vụng múa, chê đất lệch,
 Chân đi lệch đêch, lại chê đất thấp cao.

16. THĂNG TAM VÀ ĐÔI KÍNH

Thăng Tam tính hay ưa cò tích,
 Thường bắt ông đọc sách cho nghe.
 Hay đâu ông nó mắt lờ,
 Hễ đeo đôi kính chữ nhòe cũng tỉnh.
 Từng kể truyện tứ linh, sự tử,
 Đeo kính vào, thông tỏ cự tân.
 Cháu xem, tưởng kính có thần,
 Mắt ông đeo kính bội phần thông minh.
 Một hôm, cháu lửa rình lúc vắng
 Lấy kính ông mình cũng đeo xem.

Quái thay ! con mắt lèm nhèm,
 Mực đen giấy trắng, nghĩ thêm tức mình.
 Ngồi mắng kính không tỉnh, không tốt,
 Trông mười, không hiểu một lạ sao ?
 Chợt khi ông ở đâu vào,
 Nhủ rằng : « Đây kính của tao khi già.
 Cháu còn trẻ chi mà đeo kính ?
 Quốc ngữ là thuốc tỉnh trí khôn.
 A, B là kính trẻ con. »

17. NGƯỜI ĐI NGỰA

Trên đầu làng,
 Giữa phiên chợ ;
 Nhong, rhong, nhóc !
 Ngựa, ngựa, ngựa !
 Người mua, bán
 Chạy đồ xô,
 Xiêu già, trẻ,
 Bẹp thúng, bồ.
 Ngừng trông lên :
 Đầu ngựa nhô,
 Cái nón chớp
 Cao lơ lơ.
 Ấy chết Quan !
 Hay thầy Đồ ?
 A !... mà cậu lính
 Bà Lớn sai mang bị đi mua,

Ôi ! thói đời :

Trông xa luống những hồ đồ,
Tới gần mới biết mũ mo bờ nhìn.

Nhong, nhong, nhóc !

Ngựa, ngựa, ngựa !

Người mua, bán

Chạy đồ xô,

Xiêu già, trẻ,

Bẹp thúng, bồ.

Ngừng trông lên :

Đầu ngựa nhô,

Cái nón chóp

Cao lồ lồ.

Ấy chết Quan !

Hay thầy Đò ?

À !... mà cậu lính

18. CÓN MÈO ĐEO TRÀNG HẠT

Một cậu bé,

Tính nghịch mèo,

Lấy trâng hạt

Đem cho đeo.

Các chú chuột,

Nom thấy thích ;

Đua nhảy nhoi,

Cùng rả rích :

« Quan Lớn Miu
Ngài đã tu,
Không dư dôi,
Không hần thù.

Rày chúng ta
Càng tú mỡ.
Ngài xoi thịt
Đâu mà sợ ? »

Bò ra sân,
Vừa nhấp nhô
Mèo chọt thấy,
Trò ra vồ.

Chú chuột con
Số đành hết.
Còn cả đàn
Chạy chi chết !

Vào trong hang,
Cẩn cấu nhau :
« Nó đeo hạt
Chi làm màu ! »

Một con chuột
Khôn và già,
Nghe thấy nói :
« Đã bảo mà !

Giờ nó tu
Như thế hết :
Sư hồ mang,
Vãi răn rết ! (1) »

19. THẦN HÀ-BÁ

Làn thu trận nước đầy phe,
 Một trăm ngọn suối qua khe xuống ghềnh.
 Nước sông cái mông mênh đồ dạt.
 Hà-bá coi bắt ngát bao la.
 Vội đà lên nước mặt ta,
 Tưởng trong thế giới mình là nhất to !
 Thuận dòng nước sông hồ chầy dốc,
 Cưỡi cá rồng ra góc đông nam,
 Mịt mờ nước nhuộm màu lam,
 Chợt trông trận sóng phương nam ngút trời
 Hà-bá ngắm tuyết vời man mác.
 Bền tới thần Hải-nhưộc (1) vái tay,
 Thẹn thùng nét mặt đỏ gay :
 « Bây giờ mới biết bề này là to,
 Dám so sánh sông Ngô, bề Sở,
 Nhà Đại-phương xin chớ oà cười (2).
 Nghi em đáng lạng vàng mười,
 Dem ra kẻ chợ, kém người trăm phân (3).

(1) Hải-nhưộc : Thần Bê.

(2) Kiến tiểu vu Đại-phương. Đại-phương nghĩa cũng như Đại gia

(3) Câu ca-dao.

20. NGƯỜI HÀNH KHÁCH VÀ THẦN CHÂN LÝ

Người hành khách đi qua sa mạc.
 Dặm đường trường, lạ bước ngần ngo.
 Xa trông có kẻ đợi chờ,
 Là thần Chân-Lý vắn vơ một mình.
 Hành khách muốn rõ tình, mới hỏi :
 « Sao thần linh đến cõi vắng tanh ?
 Sao không vui chốn thị thành ?
 — Rằng : Yên ! ta sẽ kẻ rành cho nghe
 Loài người trước chưa hề giả dối,
 Nên ta còn có lối vào rạ.
 Từ khi người hóa tinh ma,
 Thì ta phải lánh cho xa loài người. »
 Thế mới biết cuộc đời diễn đảo.
 Mỗi một ngày gian xảo thêm sinh.
 Phồn hoa mất hết chân tình.
 Nên thần Chân-Lý vượt ghềnh Thái-hoang.

21. ANH THỜI KÈN TRẦN

Xưa nay giục bị, xui nguyên,
 Hại người chưa thấy, hại liền đến thân.
 Như anh kèn hiệu, đám quân,
 Gặp khi giặc bắt, than thân kêu rằng :
 « Các quan thấu đến tình chẳng !
 Giết tội vô ích, chịu rằng thác oan.

Xem như trong bọn các quan,
 Nào tôi đã dám trêu gan ai nào ?
 Có đâu súng bắn, gươm trao,
 Chẳng qua đến trận, ngẫu ngao miệng kèn.
 — Giặc nghe, giận thét mắng liền :
 Thân mày đáng chết vì kèn mày đeo.
 Tuy mày chẳng đánh, chẳng rọ (1),
 Song trăm quân, tướng đều theo kèn mày.»

22. ANH QUÈ, ANH GÙ VÀ ANH MÙ

Trông lên mình chẳng bằng ai,
 Trông xuống thì lại chẳng ai bằng mình.

Què kia than thở sự tình,
 Nghĩ mình mình lại xót mình biết bao :
 « Chân thì bước thấp, bước cao,
 Đi làm sao, đứng làm sao bây giờ ?
 Tắm thân luống những bơ thờ.
 Trời sinh trời để sống thừa thế ru !»

Hay đâu tới một bác gù,
 Sụt sùi gù mới nhỏ to góp bàn :
 « Hóa-nhi nhằm nhớ đa đoan
 Nặng người sao khéo nặng càn, nặng sai,
 Mai rùa nở chẳng gọt mài,
 Đề cho xương sống ra ngoài vòng khuôn !»

(1) Ta có câu tục-ngữ. «Tiếng trống rống nghìn quân.»

Hai anh kẻ lẽ gốc nguồn,
 Mù ta đâu bỗng xa mon tới gần :
 « Này này hai bác than thân !
 Tôi đây mới thực muôn phần đáng thương.
 Trời làm không mắt sao đương,
 Mịt mù mất cả bóng gương ban ngày.
 Ví tôi què cả chân tay,
 Ví tôi rồ ngực, lại tày gù lưng,
 Trời cho con mắt tung bưng,
 Một người cũng quyết tráo trưng với trời. »
 Cho hay ta ở trên đời,
 Kém người thế ấy, hơn người thế kia.
 Biết đem kẻ dưới mà bì,
 Mới hay mình được nhiều bề sướng hơn.

23. NGƯỜI MÙ VÀ NGƯỜI QUÈ

Khéo không công chi Tạo-vật :
 Sinh chi trời, sinh chi đất !
 Sinh chi rủa ra người tàn tật !
 Một anh bị trời mù hai mắt,
 Một anh trời bẻ quặt hai chân.
 Đọa đày chi hơi kiếp trần !
 Trông trời, trời mờ mịt,
 Giậm đất, đất lê dẹt.
 Vậy chẳng thà mà chết,
 Xong cho hết nợ nần !
 Mặc bầu trời, trái đất xoay vần ngả nghiêng.

Khéo lọc lừa, mảy Khuôn thiêng,
Bồng xui đem góp sức riêng vá trời.

Què ngồi ngó mắt hiên mai,
Mù nương gây trúc, lẫn chơi gắp què.

— Què ôm khóc : « Oï trời ơi là trời !

Trời hỡi ! chi hề độc địa !

Trời hỡi ! chi hề độc địa !

Tôi ngồi trông bốn bề xa xa.

Chỉ hiềm một bước không qua,
Thương ai hai mắt mù lòa tối om ! »

— Mù lăn khóc : Oï trời ơi là trời !

Trời hỡi ! không nhòm chi thấy !

Trời hỡi ! Không nhòm chi thấy !

Tôi chỉ nhờ chiếc gậy quanh quanh.

Trải bao non nước gập ghềnh,

Thương ai một bước bộ hành không qua. »

Hai người mắng lu loa than khóc,

Cách hợp đoàn sức chốc nghĩ ra :

« Dễ chảng duyên kiếp đôi ta,

Chân là chân góp, mắt là mắt chung. »

Chân mù khỏe, mù gồng anh liệt,

Mắt liệt tinh, liệt biết liệt trông.

Khấp trong trời đất một vòng,

Mắt trông thay mắt, chân gồng đỡ chân.

Đức Không dạy thành nhân thừa trước :

Trí, Dũng, Tài (1) hợp được mới nên.

Hướng chi xã hội đoàn viên :

Hay cây góp lại, làm nên cõi rừng (2).

(1) Trong Luận-ngữ, Đức Không-tử nói rằng : Nếu có cái trí của Tang-vô-Trị, cái bất dục của Công-Xước, cái dũng của Biện-trang-Tử, cái nghệ của Nhiễm-Câu lại thêm cái lễ, nhạc làm cho có văn vẻ, thì mới khá gọi là thành nhân được.

(2) Lương mộc thành lâm.

24. CON BƯỚM VÀ CON ONG

Bướm vô lại vẫn quen du đãng,
 Không ngày nào, không mảng ăn chơi.
 Cầu sao cho được mát trời :
 Đồng kia rộng rãi chơi bời [cho] sướng ta.
 Ong ngoan ngoãn nếp nhà chăm chỉ,
 Chơi một ngày, sợ phí công lao.
 Cầu trời cho mát mẻ nao :
 Tìm hoa, kiếm mật ta [thì.] vào rừng xanh.

25. CON BƯỚM VÀ CON ONG

(Cùng ý như bài trên, nhưng làm thể khác)

Ngày xuân rạng, mẹ bỗng con,
 Đứng ngắm vườn hoa, ngắm nước non.
 Sương mờ, tuyết ủ, gió rủ, mây tuôn,
 Phút bỗng đâu, kia di ong, kia chệ bướm
 Nhón nhơ chồm chõ ôm ấp chồi hoa non.
 Pháp phối quần hồng, bướm hỏi ong :
 Em đi đâu ? bay bay, liệng liệng, ngại ngại, ngừng ngừng ?
 Bụng thì thót, lưng thì cong,
 E chừng tắt tuổi, lại long đong ?
 — Uà! em đi tìm hoa quyến mật, xây sập
 Chi quân nơi nước thăm, non cùng
 Lưng từng thắt đáy lặn rừng song.

Xung xe áo cánh, ong chào bướm :

«Chị đi đâu vằn vằn vơ vơ, e e nồm nồm ;

Hương càng nồng, phấn càng đượm,

Xem như lời lá chiều au ước ?

— Ủa ! chị đi say hoa, mẩn nhĩ, tìm xuân

Cho tỏ rạng mặt trần, tay bọm.

Ngành hồng sá phụ ngày xuân sớm.

Ong cọt bướm, bướm cười ong,

Ai tham hương mộ phấn, ai quyến mật bưng bông.

— Mẹ nhủ con : con ơi, con lặng mà trông

Uầy kia ai di ong, chị bướm cỡi tường đông

Việc thiên hạ lười biếng, siêng chăm con thử ngắm

Kia ai vô ích, kẻ nên công.

26. CON KHƯỞU VÀ CON SÁO

Sáo một hôm nói cùng bạn khướu,

Rằng: «Xin hãy dạy bảo nghề ca (1).

— Khướu rằng: Rõ thật hay mà!

Khi nào ta lại dạy ca giống mày!»

Sáo nghe nói giận thay đáp lại:

«Này khướu ơi: Bời tại nhẽ gì?

Khướu rằng: Chẳng có nhẽ chi,

(1) Khướu vốn hát hay hơn sáo. Sáo chỉ nghề nỏ mồm liến láu nhưng không chịu đề tâm nghe. Muốn dạy sáo hát, thường người ta phải cắt bớt lưỡi đi.

Chỉ là một nhẽ : học thì phải nghe.

Mà giống sáo éo le ai lạ,

Muốn học ca, nghe chả vào tai.

Dạy mày ai có hoài hơi."

27. CON CỌP VÀ CON THỎ

Cọp thơ thần đi đâu gặp thỏ ;

Thỏ bàng hoàng cần cõ kêu van.

Cúi đầu, quì lạy muôn vãn :

« Tâu Sơn-quân hãy dung khoan thứ này,

Thân bé mọn không đầy một miếng.

Chẳng qua thêm rây miệng, giắt răng !

Phóng sinh, đức đội ngàn tầng,

Còn non, còn nước, còn vàng ái ân.»

Gặp khi cọp vừa ăn chưa đói ;

Nghe thỏ kêu, liền vội buông tha.

Đoạn rồi, cọp trở về nhà :

Nửa đường, mắc lưới, kêu la vang trời.

Thỏ nghe tiếng, tức thời cứu đỡ,

Cắn đứt dây mà gỡ cọp ra.

Cứu người, người lại cứu ta,

Làm ơn không có bao ma mất ơn.

28. CON RÍM PHÀN NÀN

Trong rừng cỏ, một mình lìm nhím,
 Chợt nghĩ ra, con rím phàn nàn :
 « Ngẫm xem, muôn vật thế gian,
 Xưa nay mình chẳng hại tàn gì ai.
 Sao thiên hạ ghét hoài mình thế ?
 Hễ thấy mình liền rẽ tránh xa ? »

Cáo nghe mở miệng cười khà :
 « Ghét mày, họ ghét bởi là cái lông.
 Coi chơm chớm như chông, như mác,
 Hễ tới gần sồn sác tòa loa,
 Vậy ai ai cũng lánh xa,
 Chớ mày lìm nhím xưa đã hại ai.
 Bởi lột xấu mọi người cùng ghét,
 Chớ dữ kia mất hết láng diềng ;
 Trót vì mang tiếng hãm thiềng,
 Thay lông đổi lột, chăm siêng sửa mình. »

29. CON LỪA ĐỒI CHỦ

Nực cười truyện một con lừa,
 Chủ vườn bắt nó sớm trưa kéo cày.
 Công trình vất vả lắm thay !
 Một ngày một bữa, lòng này sao no !
 Ăn thời đói, việc thời to,
 Mồ hôi đổ năm cỏ khô thiệt phần.
 Đem tâm khấn Phật, cầu Thần :
 « Hộ cho đôi chủ, thoát thân khỏi vòng. »

Cầu sao, Phật cũng chiều lòng,
 Sai ngay sứ giả đòi ông chủ nhà.
 Ngờ đâu, gặp thợ gổm ta,
 Cùng phường độc ác, ngấm mà xót thương
 Thân lừa khó nhọc trăm đường,
 So công việc cũ, lại càng nặng hơn.
 « Dám xin Phật lại làm ơn,
 Cho tôi thoát khỏi nguồn cơn khổ này ».

Cơ trời sao khéo trở xoay,
 Gặp ông chủ khác đến ngay mua về.
 Nghề đâu trông thấy gổm ghê,
 Lột da, xả thịt chẳng chê vật nào.
 Lừa ta trông thấy sợ sao,
 Than thân nào biết đâu nào ai thương.
 Thà cam đói bụng, còng xương,
 Còn hơn chết xả, nét ương không chừa.

Giống lừa nào nhẹ có ưa,
 Chút thân tôi tơ lợc lừa đổi thay.
 Thờ thầy, nên nhớ nghĩa thầy,
 Kia như cáo chết còn quay về gò.

30. CON LỪA CHỜ MUỐI

Lừa kia chờ muối qua cầu,
 Sa chân ngã xuống sông sâu nguy nàn.
 Nào ngờ phải nước, muối tan,
 Lừa ta nhẹ bước quan san hả lòng.

Một hôm, lửa chở đá ong,
 Sang sông, chân bước, thông dong trên cầu.
 Lửa đà sắp sẵn mưu sâu,
 Giả trượt chân ngã, đâm đầu xuống sông.
 Nào ngờ cái giống đá ong,
 Hễ mà ngập nước, thời nong nước vào.
 Mưu cao, thì họa càng sâu,
 Nặng đà gấp bội, mang sao lên bờ.
 Lênh đênh mặt nước vắn vơ,
 Thân làm thân chịu, còn chờ chết thời.
 Khen cho lắm kẻ tinh đời,
 Mưu thần, chúc quý gặp thời mà nên.
 Có khi rắp phải hồi đen,
 Mưu thâm nhiều, lại mua thêm họa nhiều.

31. CỌP ỒM

Chúa Sơn-lâm
 Se mình, nằm.
 Tới thăm hỏi,
 Đủ thú, cầm.

Chúa đang đói,
 Muốn xơi gỏi,
 Khôn nhẽ phân,
 Liền phán hỏi :

« Trâm yếu mình lom nhom,
 Anh hùng nằm ở rơm.
 Chúng mi người mình Trâm,
 Xem dạng thối hay thơm ? »

Nai thật thà,

Tâu : « Thối tha ».

Buộc tội phạm Thượng, bắt ăn thịt
Mất kêu ca.

Cò lò dò,

Tâu : « Thơm tho ! »

Buộc tội khi Quân, bắt ăn thịt
Khôn dẫn đo.

Khéo con hồ,

Khôn mà giỏi,

Thoạt vào liền hắt hơi.

Lấy chân quệt lỗ mũi.

Tâu : « Ngạt, không biết mùi. »

Tâu xong là hắt lúi.

Cọp trong rừng

Dữ có giống,

Tiếng đã sang

Miệng lại rộng,

Phận tôi đòi,

Khó cãi chống;

Khôn, thì sống,

Dại, thì mống.

32. HAI NGƯỜI HÀNH KHÁCH

Tô-Ma cùng với Lữ-Bình

Thông dong dạo bước ra thành phố bên.

Giữa đường, ai rớt túi liền,

Tô-Ma lượm lấy, bỏ liền vào bao,
 Lữ-Bình mừng rỡ xiết bao.
 Rằng: « Đôi ta của trời trao đó mà !
 — Đáp rằng: Đừng nói đôi ta,
 Của tôi, tôi được, lại là của ai ?
 Tô-Ma ra cách nhặt phai ?
 Lữ-Bình thôi cũng nín nhời là xong.

Hai anh đi khỏi quăng đồng,
 Đến rừng gặp cướp vẫy vùng trở ra.
 Kinh sợ thay bác Tô-Ma,
 Rằng: Thôi thôi hắn đôi ta chết rồi !
 — Lữ-Bình rằng: Khéo lối thôi,
 Thân anh, anh chết chứ tôi can gì !
 Nói rồi, lên bước, bước đi,
 Tô-Ma bị cướp, của thì còn chi.
 Của trời, trời lại lấy đi.
 Túi than rồi lại gửi về hung nhân.

Khi hay, chỉ biết có thân,
 Đến khi hoạn nạn biết lẫn cây ai ?
 Khi ăn, chẳng nhớ đến tai,
 Đến khi phải bồng, lấy ai mà sờ ?

Sa-Đéc
 12/18/2015

33. HAI NGƯỜI ĐI ĐƯỜNG GẶP GẤU

Hàng cây xanh ngắt bên rừng,
 Trời mây thăm thẳm, chập chùng vó câu.
 Hai anh em bạn cùng nhau,
 Bầu trời riêng thú, một màu phong quang.

Nhời lan, tiếng tiếng bay hương,
 Gấu đầu bỗng gặp ngang đường, xỏ ra.
 Một anh chạy thoát mình ta,
 Ngọn cây trèo vót đề mà ăn thân.
 Anh kia đứng lại tằn ngần,
 Thất kinh, tưởng sắp về phần gấu ăn.
 Rụng rời đứng chẳng vững chân,
 Gieo mình xuống đất, nằm lẩn sông sông.
 Giả làm cách chết cho xong,
 Họa may sống sót khỏi vòng này chẳng.
 Gấu kia tới đó ngấp ngừng,
 Người đi, hít lại xem chừng thế nào.
 Hân ta nhin thờ khéo sao,
 Cứng nhuôi xác chết, gấu nào thềm ăn (1).
 Kịp khi gấu đã rời chân,
 Anh trên cây xuống, lại gần hỏi han :
 “ Từ khi con gấu bàn hoàn,
 Chẳng hay giống ấy bảo ban những gì ?
 — Rì tai nào có nói chi,
 Nó cười, nó mắng, ta thì vụng chơi.
 Chơi chi những kẻ mặt đời,
 Gặp khi hoạn nạn, vội rời bỏ nhau. ”
 Ai ơi từ đó về sau,
 Ngâm thơ Phật-Mộc (2), xem câu truyện này.
 Vậy nên bè bạn xưa nay,
 Tới con nguy hiểm, mới hay trung thành.

(1) Gấu không ăn xác người chết.

(2) Thơ trong kinh Thi nói về bè bạn,

34. CHỜ ĐỀ ĐẾN MAI

Một cậu bé chuyện trò cùng mẹ,
 Rằng : « Đến mai con sẽ xin ngoan.
 — Đến mai con sẽ xin ngoan ?
 Đến mai con khát, lại hoàn ngày kia.
 Con ơi ! Con chớ hề nói thế.
 Sự hôm nay chớ đề mai ngày.

Chi bằng con nói thế này :
 « Mẹ ơi, con muốn ngoan ngay bây giờ ! »

35. ĐI ĐÀNG NAO

Ngã ba, đàng lạ, dừng chân,
 Lối nàc chẳng biết, tần ngần đứng trông,
 Cậu Mai khôn rõ tây, đông,
 Thấy nàng kia dưới mé đồng chăn trâu.
 Hỏi rằng : « Ngã ấy đi đâu ?
 Còn bên đàng nọ bảo nhau cô đi.

— Nàng rằng : Cậu hỏi cũng kỳ,
 Dắt trâu ăn cỏ, ấy thì việc tôi.
 Hỏi đàng đã có chốn rồi.
 Biền kia dễ rõ, cậu coi ắt tường. »
 Nói rồi, trâu dắt qua đường, -
 Mai ta đành chịu mắt giương đứng chờ.
 Biền tuy dễ rõ, còn ngò.
 Vì không biết chữ bao giờ hiểu chẳng.

Ai ôi ! dốt khổ vô chừng !
 Rõ ràng có mắt, như bưng tối mù.

36. CHÙM NHO

Chùm nho quả đỏ, quả xanh,
 Trên giàn lút liu, đầu cành bon chen.
 Ngán vì một quả thối đen,
 Làm cho mọi quả bên liền thối lây.

Nỗi đời có khác chi đây,
 Một người làm xấu, xấu lây mọi người.
 Vậy ai nết xấu chớ chơi,
 Mà mình nết xấu, tức thời đời ngay.
 Sửa mình, chọn bạn là hay.

37. CHÙM HOA ĐƠN

Bên hộp trà, con ngồi hỏi mẹ :
 « Chùm hoa đơn có thể thơm chẳng ?
 — Chợt nghe, mẹ mới nhủ rằng :
 Hoa đơn chưa thấy ngát lừng thơm bay. »
 Con mở hộp cầm tay, thưa gửi :
 « Này hoa đơn, mẹ ngửi mà xem.
 Mùi hương man mát êm êm,
 Sánh màu cau bồ, tràu tằm ngạt ngào.
 — Mẹ rằng: Bỏ xem nào, con hỡi,
 Mùi hoa đơn, con ngửi lại qua.
 Hộp tràu lẫn mấy thức hoa,
 Hoa hồng, hoa bưởi mặn mã thơm thay.
 Hoa đơn vậy thơm lây một chút.
 Nào mùi thơm của một hoa đâu.

Thức hoa đề lẩn hộp trầu,
 Thơm dây còn thể, nữa âu bạn hiền.
 Con ơi: vậ gần đèn thì rạng.
 Sánh người hay như thoảng mùi lan.
 Con nên kén lửa, chọn đàn,
 Trước nhà sẽ sửa một giàn hoa thơm.

38. CÂY NHO DẠI VÀ CÂY NHO GIÀN

Cây nho dại bờ rào chen mọc,
 Thấy nho giàn máy móc, mĩa mai,
 Rằng : « Sao anh cũng kiếp đời,
 Đề người xén, cắt, buộc gài khốn thân ?
 Tôi đây rõ tuyệt trần sung sướng,
 Thường tự do không mắng bạn chi.
 Quanh năm rậm rạp xanh rì,
 Tự mình ngang dọc, cần gì đến ai ?
 — Nho giàn đáp : Đó thời tự bác,
 Vị đắng ngấm chẳng khác bồ-hòn !
 Chớ em vừa ngọt, vừa ngon,
 Ăn tươi làm rượu vẫn còn bồ-then.
 Vậ em nghĩ như em được thể,
 Bởi có người tài chế mới nên.
 Còn anh quen tính tự nhiên,
 Xấu yện nét xấu biền thiên được nào ! »

Chúng ta đã sinh vào thế cục,
 Phải có người rèn đúc mới hay,
 Ấy công giáo dục xưa nay.

39. CẬU BÉ CON VÀ CÁI GƯƠNG

Một cậu bé soi gương thấy bóng,
Ngỡ rằng ai, coi giống như mình.
Trông đi, trông lại rành rành,
Trước còn yêu bóng, sau sinh bực lòng.
Nồi cơm giận, thị hùng như đại,
Thôi cau mày, rồi lại giờ tay ;
Giờ tay, bóng cũng giờ tay,
Cau mày, bóng cũng hai mày cùng cau.
Bởi là bóng chứ ai đâu,
Càng già tay đập, càng đau tay mà.
Tay đau quá, mới òa lên khóc,
Mẹ ở đâu tông tốc chạy vào,
Rằng : « Con hỡi có làm sao ?
Con làm nên thế, ai nào xui ra.
Chính là bóng chứ là ai đấy.
Giận dữ gì như vậy con ơi !
Ví con nét mặt tươi cười,
Bóng trong gương cũng tươi cười khác chi.
Con thử nghĩ mà suy cho rộng,
Ấy cuộc đời cũng giống thế đây :
Ai hay, thì gặp sự hay,
Ai làm điều ác, ác ngay vào mình.
Tấm gương là mực công bình,
Đề ta soi bóng, sửa mình mai sau. »

40. CON CỌP VÀ HAI
CON CHÓ RỪNG

Con cọp dữ trong rừng thét lệt,
Đem vuốt nanh giết hết mọi loài.
Chòm tranh, bụi lác tả tơi,
Chỉ còn sống sót có hai chó rừng.
Tìm đến chốn, vang lừng cọp thét:
«Hỡi hai bay gan thiết là to!
Đề ông chờ mãi miệng khô,
Mau đem thân hiến ông vồ, ông xơi.
Chó rừng sợ một hai run rẩy,
— Rằng : Chúng tôi tấu lạy Sơn-quân,
Bấy lâu vẫn muốn dâng thân,
Sợ ông cọp khác ở gần quanh đây.
Coi nanh vuốt, râu mày như lệt,
Mà oai lạnh lắm liệt hơn ông.
Chúng tôi nếu bước khỏi vòng
Thì ông kia thịt, hẳn không phần ngài.
— Cọp bảo: Lạ ! Bay thời nói dối,
Trong rừng này dữ đội một ông.
Quanh đây, núi chẹt, non chông,
Tiếng tăm lừng lẫy anh hùng có ai.
— Hai chó : Bẩm lạy ngài thực có.
Xin đón ngài quá bộ đến nơi.»
Liền đưa cọp đến giếng khơi,
Cọp trông thấy cọp chẳng sai lợt mình.

Rõ mặt, mũi, vuốt, nanh như tạc,
 Cũng đầu, râu, chững chạc, oai lanh.
 Nhe nanh, nó cũng nhe nanh,
 Lắc đầu, nó cũng vào vênh lắc đầu.
 Nghĩ tức giận vánh râu, cũng vánh,
 Giơ chân lên đập đánh, cũng giơ
 Hăm hăm nổi trận gió mưa,
 Nhảy ngay xuống giếng, được thua chịu nào.
 Ai hay nước đã sa vào,
 Chôn thân ở đấy mà gào chết thoi.
 Ấy là bóng giết hại người !

41. CÁI BUỒM THUYỀN

Con cùng mẹ chơi trên bờ bãi,
 Thấy buồm thuyền phấp phới đằng xa.
 Chỉ tay rằng : « Mẹ trông qua,
 Kia buồm trắng đẹp biết là bao nhiêu ! »
 Mẹ lẳng lặng làm điều chưa tỏ,
 Chờ cho thuyền đến rõ tận nơi,
 Gọi con, vừa nói, vừa cười :
 « Kia buồm trắng đẹp tuyệt vời, thử coi. »
 Con nhìn kỹ, sau rồi mới biết,
 Kêu lên rằng : « Rõ thiệt lạ sao !
 Này trông trắng đẹp nhường nào.
 Giờ trông đen kịt ; ôi chao là buồm ! »
 Mẹ rằng : « Con phải nom cho kỹ,
 Chớ bề ngoài một tí vội khen.

Trông xa cứ nghĩ là tiên,
Đến gần, cú đậu ở bên cạnh sườn (1).
Trong cuộc thế như vườn hoa nở.
Còn nhiều người gặp gỡ với ta.
Kia ai lão lạc ngoài da,
Mà trong rỗng tuếch như hoa muống rừng (2).
Xem trong tâm, mới tỏ chừng».

42. BÔNG LỬA LÉP VÀ CÁI THÙNG KHÔNG

Trời thu, gặp buổi thông dong,
Cha con dắt díu ra đồng dạo chơi.
Lúa vàng rạt ủa chân trời,
Phất phơ trang diềm (3) một vài bông cao.
Trẻ thơ nào biết thế nào,
Khen rằng : « Gié lúa đẹp bao lạ nhường !
— Cha rằng : Con dại chưa tường,
Xem người chớ có trông gương bề ngoài.
Ngôi cao mà chẳng có tài,
Bông cao, mà hạt trong thời lép không ! »
Thoắt thôi nghe tiếng đùng đùng,
Xa trông thấy kẻ lẩn thùng (4) tới nơi.
Cha rằng : « Rõ quả như nhời,

(1) và (2) : Câu ca-dao

(3) Hay : Thập thò lóng thoáng

(4) Thùng đựng rượu.

Trông gương, biết cái thùng voi hay đầy.

Thùng đầy đi nặng mà chầy,

Thùng không đi chóng, lăn xoay ăm ăm.

Có tài, từng đề trông tâm,

Không tài luống những lăm lăm khoe tài.

Con ơi, chớ xét bề ngoài.»

43. QUẢ SUNG VÀ CÁI NẤM

Quả sung cao ở trên ngành,

Rơi vào cái nấm tan tành thịt xương.

Nấm rằng : « Chẳng chút lòng thương,

Làm cho khốn khổ nấm hương thế này ! »

Sung ta lên mặt quở ngay :

« Sá chi buồn đất lũ mày đáng khinh.

— Nấm rằng : Sao quá hợm mình,

Xét xem ai trọng, ai khinh đã nào :

Nấm tôi vua chúa nấu xào,

Còn ai, cho lợn cáu nhào với sung.»

44. CON NGỰA TƯỚNG- Q U Â N C U Ờ I

Giếp yên giặc, Tướng-quân thắng tiếp,

Lúc khải hoàn, rộn rịp quân theo.

Trước thành, cờ mở, trống reo,

Hương bay trên án, hoa treo kết vòng.

Tướng-quân cưỡi ngựa hồng cao ngất,
 Ngựa giương bồm, vội cất cồ trông.
 Đương khi vênh váo lên cung,
 Ve ve bỗng có con ong bay ngoài,
 Vào giữa đám, ghé tai ngựa, bảo :
 « Này anh ơi ! nghề ngạo làm chi !
 Hương hoa, cò trống uy nghi,
 Tướng-quân đón rước, ai thì rước anh ?
 Thôi đừng lên mặt váo vênh,
 Hay gì cái thói mượn danh của người. »

45. DÂY LEO VÀ CÂY SẬY

Đầu tường có một dây leo,
 Trông cây sậy nhỏ, ra điều mỉa mai,
 Rằng : Sao bé thấp lẹ đời !
 Trông em, anh những nực cười lắm thay !
 — Nghe nhời, sậy mới đáp ngay
 Rằng : Mày không nghĩ phận mày xem sao.
 Nhờ ai mày mới được cao.
 Những như thân ấy, đã bao giờ mà !
 Ta đây, dù thấp là là,
 Tự ta ta mọc, ta đã cần ai ?
 Dây ơi ! Thôi chớ cậy tài. »

46. SUỐI CON VÀ SÔNG CÁI

Từ trong khe núi chảy ra,
 Suối leo, suối nhảy, suối la; suối hò.
 Tiếng to, tưởng được công to.
 Thế mà rút cục quanh co ích gì ?
 Chớ như sông cái lì lì,
 Im hơi lặng tiếng, ấy thì nên công.
 Người xuôi, kẻ ngược thông đồng,
 Bao nhiêu hàng hóa gánh gồng chở mang.
 Lặng yên làm việc mới sang,
 Chỉ nghề nỏ miệng vẻ vang nổi gì ?

47. CÁI SUỐI VÀ CÁI GIẾNG

Suối rách rách chảy gần bờ giếng,
 Đây đông người nói tiếng xôn xao.
 Tay gàu, tay gáo vục chao,
 Tranh nhau tới giếng biết bao là người.
 Suối nghĩ tức nước đòi mới hỏi :
 « Hỡi giếng kia sao tội thân mày ?
 Công đâu thừa tiếp lũ này :
 Nó khua, nó mức quấy rầy luôn canh.
 Ta trông thấy, bực mình thay họ.
 Sẵn nước mày thỏa họ ăn chơi.
 Ở đây, nỡ để gặp vơi,
 Ích mình cốt nhất, ích người hơi đâu,

Ta nghĩ vậy, chảy thâu suốt sáng,
 Không chứa thừa nước loãng cho ai.»
 Giếng nghe suối nói, trả nhời :
 « Mở lòng ích lợi cho người mới hay.
 Có ai phao phí như mây,
 Nước đời chẳng nghĩ voi đầy, sâu nông.
 Ích mình chỉ biết mình trong. »

48. BÒ LÀM BẠN VỚI SƯ - TỬ

Một con bò vai u, thịt bắp,
 Với đàn bò tự lập làm vua.
 Ra vào tiền hết hậu hô,
 Gặp vua sư-tử muốn đua bạn cùng.
 Hồ thấy vậy, ngại ngừng khuyên nhủ :
 « Ăn thịt cùng ăn cỏ (1) khó chơi,
 Chơi trèo chi với hỡi ai !
 Thôi đừng đua mồi lại chồi mầm son. »
 Bò trái ý bon bon cả quây
 Gặp bạn sang lưng lấy cú chơi.
 Mon men vào tận rừng đồi,
 Quả vua sư-hử liền nhai thịt bò !
 Thế mới biết chơi đua là dại,
 Bội chơi trèo mà phải thác oan.
 Nhà giàu hay bạn với quan.

(1) Sư-tử là loài ăn thịt, bò là loài ăn cỏ.

49. ĐÀN CỪU VÀ CHÓ SÓI

Đàn cừu vẫn ăn trên đồi cỏ,
 Con chó từng bảo hộ trông nom.
 Một con chó sói vẫn nhòm,
 Trong rừng bước tới khéo mồm ni non :
 « Bay với tớ ai còn thù giận.
 Có hề gì mà bận chó coi.

Tớ còn cấm nó không nguôi,
 Ghét vì tính nó nhảy nhoi cắn xằng,
 Đề vô ích, chi bằng đuổi quách ;
 Bà con mình hống hách gì nhau.
 Ta đưa vào cũi rừng sâu,
 Non kia, núi nọ một màu cỏ tươi. »
 Cừu nghe nói bùi tai, đuổi chó,
 Sói quay ngay nhảy bỏ thịt cừu.

Tin người, xa bạn đồng mưu,
 Hồ môi, răng lạnh, đàn cừu đại sao !
 Đứng ngoài lăm kẻ cầm dao,
 Nỡ lia nanh vuốt (1) giữ sao được mình.

50. CHO VÁ VÀ CHO VỆ

Hai con chó, con Vần, con Vá,
 Vá cần nhần, Vệ và hiền lương.
 Vệ từng trách Vá hung cường,
 Răng nanh, móng vuốt cần đường lăm nhăng.

(1) Nanh vuốt : nơi người dầy tờ chân tay giữ gìn cho mình,

Vá rằng : « Dữ xem chừng người trọng.

Khách lảng diềng qua cổng sợ oai (1).

— Vện rằng : Họ sợ bề ngoài,

Mà lòng họ rắp cho ai củ riêng (2).

Thử xem bạn vòng kiềng, nhạc bạc.

Hà găm ghè chông mác cùng ai.

Mà người mẫn đức, sợ oai. »

51. ONG VÒ VÀ ONG MẬT

Con ong Vò rủ con ong Mật :

« Ra chơi vườn, ấy thật là vui.

Có đi dắt cả đàn ruồi,

Tới gần lão phố, trêu người thử chơi.

— Ong mật nghe mấy nhời đáp lại :

Đề cụ làm, nghịch đại hai chi.

Vả chẳng công cụ nên ghi,

Cây thì cụ tưới, hoa thì ta ăn.

Đã lười biếng hư thân như vậy,

Người ta làm còn quấy hay sao ?

Xin anh hãy nghĩ lại nao ! »

(1) Chó dữ mất lảng diềng (Tục-ngữ)

(2) Con chó khóc đứng, khóc ngồi,

Me ơi đi chợ mua tôi đồng riêng (Cà-đạo)

52. TU-HÚ VÀ BỒ-CẮC

Chim bồ-cắc cây cao làm tổ,

Tu-hú vào ở trọ đã lâu.

Một hôm, luồng bão tự đâu,

Đùng đùng trận gió giục mau long trời.

Các cây cối toi bời lướt đồ,

Một loài chim vỡ tổ lung tung.

Một đàn tu hú hải hùng,

Lò không chốn ở biết trông coi nào.

Chim bồ-cắc lao xao cùng mắng :

« Các anh nên phải gắng sức làm.

Phòng khi gió bắc, bão nam,

Vin cảnh, tha rác buộc giằm tổ ta.

Chớ quen nết không nhà ở trọ,

Nữa mang câu « Tu-hú để nhờ » (1)

Phải nên lập nghiệp, sinh cơ,

Chớ điều ỷ lại nương nhờ vào ai.

53. ANH HÀ TIỆN

Xưa có anh suốt đời hà tiện,

Công việc làm xo xẻn, xẻn xo,

Không ăn, không mặc bo bo

Chỉ chằm tích của toan lo làm giàu.

(1) Tu-hú để nhờ, hay : Tu-hú sẵn tổ mà đẻ (Tục-ngữ)

Một hôm, bạn ở đâu đến rủ,
 Cổ mời ra thành phố dạo chơi.
 Cò kè gạn bảo hết nhời,
 Bấm lưng, giắt lỡi tiền dài cùng đi.
 Trời thì nắng, người thì khát nước.
 Tiếc tiền, không dám bước vào hàng.
 Khi về qua bến đồ ngang,
 Giữa sông uống nước, đâm choàng xuống sông.
 Bạn rồi rít trên dòng kêu thét :
 « Ai vớt lên thưởng hết năm tiền. »
 Anh hà tiện nhô lên cãi : « Lạ !
 Sao mà anh phí phá của trời ?
 Ai mà cứu vớt được tôi,
 Một tiền xin trả, chớ nài năm chi. »
 Lái thuyền nọ cười khi không nói,
 Thành anh keo chết đuổi oan thân !
 Làm người, của ở tay chân,
 Mà sao tiếc của, bỏ thân mất hoài !
 Ồi ai ơi ! Cửa nặng hơn người. . . .

54. QUAN HUYỆN BA PHẢI

Một quan Huyện,
 Ngồi xử kiện.
 Bên nguyên vào,
 Kề công truyện.
 — « Ừ mà phải !
 Thằng này nói đích tiện. »

Bên bị vào,
Nói tình hiện.

— « Ừ mà phải !

Thằng này giỏi chứng viện. »

Quan bà bảo quan ông :
« Hai bên nó tranh biện,
Bên nào ông cũng phải,
Không thấy phân ác, thiện. »

— « Ừ mà phải !

Bà mày cũng cao kiến. »

55. CON VỊT HAI CHÂN

Một cậu lính,
Tính hay nịnh,
Đứng hầu quan,
Rất nghiêm chỉnh.

Thấy con vịt,
Ngủ tít mít.
Co một chân,
Đứng thìn thít.

Cậu khép nép,
Giữ khuôn phép :
« Bẩm, con vịt... »

Vịt động buông chân, kêu kẹp kẹp.

Quan hỏi : « Sao ?
Vịt thế nào ? »

Cậu luống cuống,

Ruột nôn nao.

Trót nhờ miệng,

Khôn đỡ dần :

« Bầm Quan lớn :

Vịt hai chân. »

Quan liền thét :

Thằng lão toét !

Vịt nào chẳng hai chân ? »

Rồi truyền lấy roi, đánh như két.

Khéo nổi hay nịnh xằng !

Chỉ tổ người ta ghét.

56. BÓNG CON NGỰA

Người hành khách đi lên Mạn-ngược,

Thuê ngựa thồ, rào bước đường xa.

Dặm trường, bốn vó xông pha,

Mã phu cầm vọt rề rà theo chân.

Xa vượt cõi hồng trần bát ngát.

Trải bãi sa, cồn cát quanh co,

Chang chang trời buổi nắng to,

Văng hồng khét lẹt hơ lò lửa nung.

Đồng quanh quẽ, vắng không bóng rợp,

Ngựa chồn chân giầy đạp đứng trơ.

Khách trông bóng ngựa lơ mờ,

Dừng cương xuống nấp đợi chờ cơn râm

Mã phu đến, vội cầm cương đuôi :
 Tranh chỗ ngồi rắc rối nọ kia,
 Rảy ra, khách lại ngồi kề,
 Sấn và chỗ bóng rợp che mái đầu.
 Mã phu giận, tìm câu cứng cỏi :
 “ Thuê ngựa, nào bóng hỏi thuê đầu ?
 Mồ hôi khách đổ mướt đầu,
 Rằng : “ Thuê cả bóng, lẫn đầu, lẫn đuôi.
 Cùng xô xát lời thôi cãi cọ,
 Con ngựa liền chạy trở rừng song.
 Hai anh trơ tráo giữa đồng,
 Mảng tranh bóng rợp, ngựa lồng mất đầu.
 Sao bằng ích lợi chung nhau !

57. HAI BÀ LÃO ĐI XE ĐIỆN

Hai bà lão cùng đi xe điện,
 Bồng cà riêng, sinh truyện tráo trưng ;
 Một bà muốn cửa kín bùng,
 Một bà muốn mở lấy lưng mát me.
 Cùng dức lác một xe ôm tỏi,
 Nhẽ khôn phân, liền gọi xơ-vơ (1).
 Một rằng : “ Cửa kín không ưa,
 Đóng vào chết ngạt, bây giờ thì sao !
 — Một rằng : Mở, gió vào lộng óc,
 Nhớ phải cơn gió độc chết toi ! ”

(1) Người phát vé. Ta đọc tranh ở chữ Pháp : *receveur ra*.

Hai bà cãi nhẽ chẳng đôi,
 Bỗng đâu ông cụ cùng ngồi, đứng lên.
 Lấy nhẽ phải, đôi bên phân xử,
 Bảo xơ-vơ rằng : « Kéo lôi thôi !
 Đóng cho một chết ngạt rồi,
 Mở cho một chết nốt toi xong đời.
 Sống một nết, chết người một tật,
 Lão già này nói thật nên nghe.
 Kéo còn cãi cộ kè nhè,
 Đề cho hành khách cả xe bực mình. »
 Cho hay : Sinh sự, sự sinh. . .

58. HAI CẬU BÉ VÀ QUẢ BỨA

Nực cười hai cậu bé con,
 Cùng nhau buổi học lon ton đi trường.
 Thấy quả bừa, giữa đường lẫn lóc,
 Cậu trước kia nhặt thốc cầm tay.
 Cậu sau giăng cái toan xoay :
 « Mặt tao trông thấy quả này của tao !
 — Cậu kia rằng : Có nhẽ nào !
 Tay tao nhặt được có sao của mày ! »
 Cùng vì mắt, vì tay cãi bừa,
 Không ai nhường chia nửa cho ai.

 Hay đâu có đũa tinh đời,
 Xa nghe chạy lại phân nhời đôi bên.
 Sẵn dao, hấn bổ liền quả bừa,
 Bừa làm đôi, đứng giữa chen vòng.

Rằng : « Tao phân xử chí công,
 Chia hai mảnh vỏ đều không kém nào.
 Còn nhân nọ thì tao phải khoét,
 Vì công tao xử xét việc này.
 Lòng tao nhân ái lắm thay,
 Thấy nhân, tao phải đưa ngay vào mồm. »
 Hai cậu bé mắt nom, tay nhặt,
 Trơ mặt nhìn đánh mắt cả nhân.
 Bao nhiêu ngon ngọt người ăn,
 Còn hai mảnh vỏ, có phần chất chua.
 Thà nhường nhịn, chẳng tranh đua,
 Lôi thôi kiện cáo, thiệt thua mọi đường.

59. MẮT VÀ LÔNG MÀY

Lông mày vốn ở trên con mắt,
 Mắt ghen mày, giọng gắt, nói gay :
 « Phần tao soi xét suốt ngày,
 Có sao ở dưới, đề mày lên trên ?
 Ông Tạo-hóa cầm quyền xếp đặt,
 Mà sai nhầm vẽ mặt chẳng tinh.
 Tự mày mày thử ngắm mình
 Được nghề gì dám hoành hành bực trên ?
 — Nghe mắt nói, mày liền đáp lại :
 Mắt không mày ra cái gì không ?
 Hay là trơ trẽn thần đồng
 Mắt mo lơ láo quá ông bồ nhìn ! »

Vậy các trò ở trên cõi thế,
 Tưởng vô công, quan hệ rất to,
 Văn thơ, đàn địch liú lo,
 Các nghề Mỹ-thuật ích cho đời nhiều.
 Lòng mày đẹp mặt bao nhiêu.

60. ANH GÙ VÀ ANH CHỘT

Một anh chột sớm ngày lấp ló,
 Thấy anh gù, nói khỏe mĩa mai :
 « Sớm đi đâu đó hơi ai ?
 Vác gì nặng thế coi người khỏe sao ?
 — Gù đáp lại : Ôi chào tỏ rõ !
 Cửa bác còn mới ngõ một bên.
 Bóng trời đã xế ngoài hiên,
 Hãy còn bảo sớm, thử nhìn trước sau.
 Ai ơi ! Chế nhạo chi nhau ?

61. CON HỒ VÀ CON GÀ CON

Một con gà mái con,
 Chẳng nghe nhời mẹ bay
 Xa chuồng đi hóng mát,
 Nghĩ mình sung sướng thay !
 Gà mẹ lo ngay ngáy,
 Đợi mãi chẳng thấy con.
 Lo quanh lại nghĩ quần :
 « Gặp hồ nó ăn ngon. »

Hồ gặp trên đường con,
 Hỏi gà : « Bác đi đâu ?
 Khao khát bấy lâu nay,
 Bây giờ mới gặp nhau. »

Gà đại nào biết đâu,
 Rằng : « Trời mát đi chơi,
 Mẹ bảo tôi chẳng nghe,
 Tôi chỉ biết ý tôi. »

— « Ừ, tao đang bữa đói,
 Hiến thân mày cũng giỏi
 Tao chưa có miếng nhai.
 Vớ mày hãy ăn gỏi. »

Nói xong, hồ nhày xơi,
 Chộp bóp gà chết tươi.
 Nếu nghe nhời mẹ dạy,
 Sao đến nỗi bỏ đời.

62. CON NAI VÀ CON NGỰA

Ngựa kia không khẩu, không thùng,
 Rộng chân đi lạc vào rừng gặp nai.

Con nai cậy có hai sừng đẹp,
 Gặp ngựa, liền múa mép nói khoe

Rằng : « Minh lổm đổm điềm huê,
 Chạy, đi nhanh nhẹ le te cõi rừng.

Trên đầu tâng hai sừng chà chạnh,
 Coi chính vênh đường mạnh biết bao !

Nòi người sao khéo khờ sao :
 Hươu nai chẳng chuộng, khát khao ngựa lừa.
 Sừng chẳng có, chỉ trơ đầu trụ,
 Hoài cô nuôi chi tội xấu xa. »

— Dứt nhời, ngựa mới thừa qua :
 « Chụ hươu nai vẫn mình hoa; đầu sừng.
 Nhưng nói nhẽ phải chằng, đừng tị ;
 Người nuôi ta tỏ ý chẳng không.
 Đường trường vô ký thẳng dong,
 Hươu nai dù đẹp, nhưng không ích gì.
 Loài lừa ngựa, anh bì sao được,
 Giúp cho người trong nước giàu sang.
 Khi thì xe gỗ chở hàng,
 Khi thì xông đột chiến tràng nên công.
 Các anh chỉ chúi hang rừng rậm,
 Hại lộc trời, giày giẫm cỏ hoa.
 Nuôi chi thêm bận người ta,
 Họ săn, họ bắn chạy pha (1) quăng rừng. »
 Nai nghe nói căm sừng, giả điếc,
 Không gậy răng, mắt liếc tìm ngàn.
 Nghĩ mà hồ với giang san,
 Như câu « Quân-tử tố xan » (2) đau lòng.

(1) Xông pha.

(2) Chú Mạnh-tử : Quân-tử bất tố xan = Người quân-tử chẳng ăn không.

63. CON MUỐI, CON VOI VÀ CON DỆN

Bé bé muối.

Lù lù voi.

Muối có ngòi,

Voi có vòi.

Voi cạy da dầy đốt không thấu,
Muối đưa ngòi độc vào đâm nhói.
Lùa khe chân lông, hút lấy máu,
Co vòi, voi chạy, chạy cong đuôi.
Mới hay nhón xác mà thua trận,
Muối còn theo đốt mãi chưa thôi.

Chợt nhảy nhói,

Sa lưới dện.

Sợ tơ vò,

Xe quán quện.

Nào ngờ muối bé địch nổi voi,
Mắc dện chẳng dò (1) bỗng gặp biển!
Muối khoe ngòi nhọn, cánh hay bay.
Dện bắt, dện vò xơi thịt ngiến,
Muối đành muối thác khóc ve ve.
Dện hời dện hời (2) oan hồn hiện,
Kia ai cạy sức, ai khoe tài?
Rút lại mắc dây mềm buộc bện.

(1) Mạng dện, cái bẫy bằng dây.

(2) Câu ca dao: Tô vò khóc con dện.

Sa-Déc
12/18/2015

64. CON MUỖI, CON SƯ TỬ VÀ CON DỆN

(Cùng một ý với bài trên nhưng làm thế khác)

Này xem muỗi có lạ đời
Dám cùng sư tử đua tài, đua khôn
Rằng : « Ta dù bé cọn con,
Trăm người chưa dễ mà hơn được nào.
Tài người cũng thế, tài cao,
Chẳng qua rằng cần, móng cào mà thôi. »
Muỗi ta nói chưa dứt nhời,
Ầm ầm thúc trống, quyết bài xuất chinh.
Thừa cơ thú dữ vô tình,
Muỗi bay châm đốt vào mình thực đau.
Có tài, có sức đến đâu,
Mắc mưu, cũng phải cúi đầu xin tha (1).
Khi thua thú dữ cầu hòa,
Muỗi ta đắc chí, la đà rong chơi ;
Nhưng nhặng bay rộn một trời,
Dện dêu chẳng mạng, muỗi thời vương tơi.
Thương thay tài chí cỏ thừa !
Thú vương địch nổi, dện ngờ đâu thua (2).
Sự đời thế có cay chua !
Khuyên ai thôi chớ ganh đua chi tài.
Chữ tài vắn với chữ tai !

(1) Ta có câu tục ngữ : « Thương dặng sợ kẻ bất dặng ».

(2) Bài này khác bài trên là nói sư-tử với muỗi, cùng dện chớ không phải voi. Cứ kẻ, voi hay sư-tử cũng không sợ muỗi, ruồi không sao đốt thấu làn da dày được. Các thú dữ trên rừng chỉ sợ có giống ve hay giống khoái cũng thuộc về loài ong ruồi mà thôi. Nhưng nếu ta thay con ve hay con khoái vào con muỗi, thì phần dưới bài lại không đúng, vì khoái, ve to, không bao giờ mắc vào mạng dện cho dện bắt được. Nên cứ đề là muỗi vậy.

— Bếp liền uốn lưỡi thưa rằng :
Suy ra thức xấu gì bằng lưỡi kia.
Không xương, vẫn lấu lia uốn éo,
Khi nói, cười khêu ghẹo binh đao.
Ai hay đầu lưỡi có dao,
Xui nguyên, giục bị giết bao nhiêu người !
Đủ xấu xí chê bai, mầu mẽ,
Còn xam xua nhiều nhẽ dối dăng.
Lại hay nói cuội, nói nhăng,
Có khi người vả, rụng răng sừng mồm.
Thà cắt quách xào om cho kỹ,
Đề các ngài nếm vị không ngon.
Họa là hết nhẽ đại khôn,
Kẻo còn xoay xở, kẻo còn khen chê. »

Sa-Đéc
12/18/2015

(HẾT QUYỀN THƯỢNG)

Mục-lục

Tựa.	5
Ngụ-ngôn.	25
1 — Hai bàn tay.	26
2 — Mồm và chân tay.	26
3 — Chim bồ-câu và diều-hâu.	27
4 — Con ngựa và con hươu.	28
5 — Con ruồi và con trâu.	28
6 — Trai và cò.	29
7 — Ba con cá.	30
8 — Con đom-đóm và con cóc.	30
9 — Con lang và con cọp.	31
10 — Con tằm và con dện.	31
11 — Con rắn và con đĩa.	32
12 — Con lợn, con hồ và con cừu	33
13 — Con mèo và con gà mái	33
14 — Cái tranh đẹp.	34
15 — Ngôi bút xấu.	34
16 — Thằng Tam và đôi kính	35
17 — Người đi ngựa.	36
18 — Con mèo đeo tràng hạt.	37
19 — Thần Hà-Bá.	39
20 — Người Hành-khách và Thần Chân-lý.	40
21 — Anh thối kèn trận.	40
22 — Anh què, anh gù và mù.	41
23 — Người mù và người què (từ khút)	42
24 — Con bướm và con ong.	44
25 — Con bướm và con ong (Thề khốc từ khốc)	44
26 — Con khướu và con sáo.	45
27 — Con cọp và con thỏ.	46

28 — Con nhím phàn nàn.	47
29 — Con lừa đòi chủ.	47
30 — Con lừa chở muối.	48
31 — Cọp ốm.	49
32 — Hai người hành khách.	50
33 — Hai người đi đường gặp gấu.	51
34 — Chó đề đến mai.	53
35 — Đi đường nào.	53
36 — Chùm nho	54
37 — Chùm hoa đơn.	54
38 — Cây nho dại và cây nho giàn.	55
39 — Cậu bé con và cái gương	56
40 — Con cọp và hai con chó rừng.	57
41 — Cái buồm thuyền.	58
42 — Bông lúa lép và cái thùng không	59
43 — Quả sung và cái nắm	60
44 — Con ngựa tướng quân cười	60
45 — Dây leo và cây sậy	61
46 — Suối con và sông cái	62
47 — Cái suối và cái giếng	62
48 — Bò làm bạn với sư-tử	63
49 — Đàn cừu và chó sói	64
50 — Chó Vá và chó Vện	64
51 — Ong vò và ong mật	65
52 — Tu-hú và bồ-cắt	66
53 — Anh hà-tiện.	66
54 — Quan Huyện ba phải.	67
55 — Con vịt hai chân.	68
56 — Bóng con ngựa.	69
57 — Hai bà lão đi xe điện	70

III

58 — Hai cậu bé và quả bưởi.	71
59 — Mắt và lông mày.	72
60 — Anh gù và anh chột.	73
61 — Con hồ và con gà con.	73
62 — Con nai và con ngựa.	74
63 — Con muỗi, con voi và con dện (Lối tam thất).	76
64 — Con muỗi, con sư-tử và con dện.	77
65 — Tượng gỗ.	78
66 — Người bán mộc, bán giáo.	78
67 — Ông Di-Lặc và ông Hộ-Pháp.	79
68 — Bụt đất và Bụt gỗ.	79
69 — Thằng quỷ sứ và người cho vay nợ.	80
70 — Hoa hồng và gai hồng.	81
71 — Con ong và cô bé con.	82
72 — Cậu bé và con mèo.	82
73 — Hai thửa ruộng.	83
74 — Hai cái lưỡi cày.	83
75 — Hai cái đồng-hồ.	84
76 — Lũ khí.	85
77 — Người nhà quê và con xà.	85
78 — Người nhà quê và con gà, con rắn.	86
79 — Hai anh thợ nôi.	87
80 — Người thợ may khéo (Lối từ thuyết).	88
81 — Hai con hồ.	90
82 — Con ong và con ruồi.	90
83 — Con thỏ và con chim sẻ.	91
84 — Rùa rùa và phượng-hoàng.	92
85 — Hoa qui.	92
86 — Gương đời người.	93

87 — Hai cha con.	94
88 — Anh nói khoác.	95
89 — Tàu to và cây cao	96
90 — Gà và vịt-trời.	96
91 — Con rệp và con chấy.	98
92 — Con cóc và con chuột.	98
93 — Con thỏ và con rùa.	99
94 — Con châu-choẹt, con dề-cùi và con gà mái	100
95 — Con yềng	101
96 — Muỗi đồng và muỗi nhà (Lỗi cò phông).	101
97 — Chuột đồng và chuột nhà.	102
98 — Thầy lang dốt.	104
99 — Vua Diêm kén Tề-tướng.	105
100 — Phật Di-Lặc và thợ tạc tượng.	105
101 — Quả đào tiên.	107
102 — Quả dưa và con ngựa.	108
103 — Mạt cưa, mướp đắng.	109
104 — Hai con ếch.	110
105 — Con chuột* và con rùa.	111
106 — Con chó và con lang.	111
107 — Chuột xú và chuột bạch.	113
108 — Cậu bé và con chim.	114
109 — Con trâu và con ngựa (Thê khác).	114
110 — Chăn dê.	115
111 — Chim gáy	116
112 — Nói nhiều vô ích.	116
113 — Con cáo và chùm nho.	117
114 — Con cáo và mặt nạ.	117
115 — Con chó và miếng thịt	118
116 — Hai con gà sống (Lỗi cò phông lên chầu)	119

117	— Con thỏ và con hồ.	120
118	— Ba con chó.	121
119	— Con khỉ đòi làm người.	122
120	— Không muốn làm giàu.	122
121	— Người khờ và Ma-vương (Lời ngâm che hát kịch)	123
122	— Đền nển.	124
123	— Nồi đồng và nồi đất.	125
124	— Con gà, con bò và cậu học-trò.	126
125	— Giáp, Ất kiện nhau.	127
126	— Cái biển treo hàng cơm.	128
127	— Người thợ nhuộm và đứa con.	129
128	— Người đầu hai thứ tóc.	130
129	— Cái bẫy chuột (Lời hành ngâm)	131
130	— Chuột vẫn sợ mèo.	132
131	— Một đàn cá (Lời dịp chờ)	133
132	— Con hồ ăn chay.	133
133	— Cây thông và cây gai.	134
134	— Người đi săn và người đánh cá	135
135	— Người lừa và đứa bé con.	136
136	— Chữ « Nhẫn ».	136
137	— Suối con và bè cá.	137
138	— Thằng bé con, con ngựa và con bò.	138
139	— Lừa giẫm phải gai.	139
140	— Con chó và người phu xe.	139
141	— Cái tai hồng	140
142	— Con yềng và con cú	141
143	— Con sên và con sâu	142
144	— Con lừa và con ngựa.	144

VI

145	— Con hồ và con gà sống.	. . .	145
146	— Hồ mượn oai hùm.	. . .	146
147	— Con diệc và con cua.	. . .	147
148	— Ba con rận kiện nhau.	. . .	149
149	— Cha con người xay bột và con lửa.	, . .	150
150	— Lửa, Nước và Danh dự	. . .	152
151	— Mông Điền đi kiện.	. . .	154
152	— Người khôn hơn vật.	. . .	156
153	— Cái lưới.	. . .	157



ÔN-NHƯ
NGUYỄN VĂN NGỌC

*ĐÔNG TÂY
NGU NGÔN*

(QUYỀN DƯỚI)

Mục-lục

1 —	Ba cậu bé.	7
2 —	Con kiến	8
3 —	Con nghề và vốc đậu.	8
4 —	Con ruồi và thùng mật	9
5 —	Năm ngón tay.	10
6 —	Chiếc thuyền gặp bão.	11
7 —	Trâu, gà, chó, mèo và lợn.	12
8 —	Nhà có ma.	13
9 —	Hai con chó và con mèo.	14
10 —	Con cá và người câu cá.	15
11 —	Giáp, Ất bán gấu	16
12 —	Ông nhà giàu	17
13 —	Con hồ và con cò	18
14 —	Con hồ và con rồng.	19
15 —	Mặt trời, Thần gió và người khoác áo tơi	19
16 —	Ong vẽ và ong mật.	20
17 —	Con gà sống và con chó.	22
18 —	Con chó, con mèo và con gà sống.	22
19 —	Giáp, Ất và đám mây	24
20 —	Người vợ đi thề	25
21 —	Người Mường và con bẽ.	26
22 —	Con vịt và con gà	28
23 —	Cậu bé và con chim.	28
24 —	Cậu bé đòi quít.	29
25 —	Quả măng-cụt	30
26 —	Anh khờ và cái chả.	31
27 —	Cha con nhà làm ruộng.	31
28 —	Con lợn lòi và con cán	32

29 —	Ba con trâu	33
30 —	Con ễnh-ương và con sư-tử	34
31 —	Ăn và học.	34
32 —	Gà mái đẻ trứng	35
33 —	Vua khỉ và hai vợ chồng rùa	36
34 —	Con lươn, con rắn.	38
35 —	Con nai, con hồ và con hổ	39
36 —	Con kiến.	40
37 —	Vua sư-tử và con chim con	40
38 —	Con thí-thân và cái đèn	42
39 —	Anh keo lặn	43
40 —	Cái hoa hồng và cái cọc	44
41 —	Con chiên và con chó.	45
42 —	Hai vợ chồng	46
43 —	Cậu Tam và đồng xu.	48
44 —	Quanh vòng trái-đất.	48
45 —	Ông Hoàng và người bắt cua.	49
46 —	Dây sử-quân và cây sung.	51
47 —	Con cú và con cáo	52
48 —	Ông quan và người Mán.	53
49 —	Anh Cả Nhỡ.	54
50 —	Anh Tam.	55
51 —	Con heo và con mèo.	56
52 —	Gấu mẹ và gấu con.	57
53 —	Bà lão và lũ trẻ.	58
54 —	Thằng nói dối	58
55 —	Cậu học-trò và cụ già.	59
56 —	Con cừu, cậu bé và người nhà quê.	61
57 —	Người thợ chạm và người thợ vẽ.	61

III

58 —	Con quạ và con cầy.	63
59 —	Con la và con khỉ	63
60 —	Ông lão nhà quê với thằng ngỗ-nghịch	65
61 —	Con trâu và chim họa-mi.	66
62 —	Cành đề	67
63 —	Cậu Cả	68
64 —	Cây đa	68
65 —	Bà Hương và cậu bé.	69
66 —	Người đàn bà và cụ Khóa	70
67 —	Cú kêu	70
68 —	Cái then cửa	71
69 —	Cọp, cầy, chó sói và đuôi-trôi.	72
70 —	Con dơi và hai con cầy.	73
71 —	Hai người trồng mía thi.	74
72 —	Con bò, con dê và con lừa	75
73 —	Con hà-mã, con giả-tượng và con rùa	75
74 —	Đầu đuôi con rắn	78
75 —	Chuột với cầy	78
76 —	Vợ chồng chim chào-mào.	79
77 —	Cái tranh	80
78 —	Anh giàu.	81
79 —	Con nhặng và con kiến	82
80 —	Con khỉ báo thù	83
81 —	Anh.	83
82 —	Cô Hàng	84
83 —	Cháy nhà.	85
84 —	Con thỏ	86
85 —	Hai cái xe.	87
86 —	Con ốc-sên và con ve-sầu	88

87 — Anh hói đầu	89
88 — Đám nói chuyện	90
89 — Thằng nô.	90
90 — Người với Người	91
91 — Thằng Nhắng	92
92 — Người nhà quê và con lợn	93
93 — Cậu Ti và con bướm	94
94 — Người nghèo và con chó.	95
95 — Hai người kiện nhau	96
96 — Con cá bống và con cá quả	97
97 — Cậu bé và con sâu.	98
98 — Đầu nhọn lưỡi.	98
99 — Đây-tớ mua hồng	100
100 — Nhật cam rụng	101
101 — Con công làm vua	102
102 — Con nai và bụi cây	102
103 — Con kiến và con bọ-cu	103
104 — Răng và lưỡi	104
105 — Con công phản nân	105
106 — Con trâu	107
107 — Trâu bò và cóc nhái	108
108 — Hai con la	108
109 — Người ăn lạc	109
110 — Ông cụ già và con lừa	110
111 — Con gà và hạt châu	111
112 — Râu dê	112
113 — Bọ hung, một sách và rùa-rùa	112
114 — Thết khách sữa bò	114
115 — Thầy dê	114

116 —	Người buôn chăn	115
117 —	Con chó sói và người chăn trâu	116
118 —	Mặt trời và đàn ếch nhái	117
119 —	Con chiên, con hươu và đàn chó sói	118
120 —	Gà đội lông công	118
121 —	Con chó cái và bạn nó	119
122 —	Con nhái muốn to bằng con bò	120
123 —	Con chuột và con ngựa	121
124 —	Người đồ-vật.	122
125 —	Thi-sĩ nửa mùa	123
126 —	Con điều-hâu, con quạ và con rùa	124
127 —	Con ngựa mãng và con ngựa già	125
128 —	Con hồ và con khỉ	125
129 —	Con rắn và cái rùa	126
130 —	Con hùm già	127
131 —	Con sư-tử và con lừa	128
132 —	Con sơn-ca và con cáo	129
133 —	Cái sừng sứt	130
134 —	Con cáo cụt đuôi	130
135 —	Con gà và hai con ở	132
136 —	Hai nhà sư	133
137 —	Con vịt và con gà	134
138 —	Con chồn và người ta	135
139 —	Hai con chuột	135
140 —	Người chăn dê và bề cá	136
141 —	Con gà mái và bà chủ	137
142 —	Con bò con và con bò mộng	138
143 —	Con chó già	138
144 —	Con chiên và con chó rừng	139

VI

145 —	Con cáo ăn no bụng	140
146 —	Con quạ và con chiên	141
147 —	Con chó và thằng trộm	142
148 —	Người đánh cá thối sáo	142
149 —	Chị xấu và anh dốt	143
150 —	Ôm cây đọt thỏ	144
151 —	Con ruồi và con la	144
152 —	Cậu bé và con chim	145
153 —	Anh cây khôn	147
154 —	Anh Tam và ít nến	148
155 —	Đánh dấu thuyền tìm gươm	149
156 —	Chia xôi	150
157 —	Quả bóng	151
158 —	Khu rừng và người nhà quê	152
159 —	Người hái dâu và con muỗi	153
160 —	Hai cha con	154
161 —	Ba cậu bé ăn bánh chưng	155
162 —	Thằng Than buồn	156
163 —	Hai cháu	157
164 —	Ba con diệc	158
165 —	Cậu bé và quả ké	159
166 —	Cây đa và cây nhãn	159
167 —	Mấy quả bưởi	160
168 —	Con diệc	161
169 —	Con hồ và con dê	162
170 —	Cây gạo và cây sậy	163
171 —	Châu-chấu đá voi	164
172 —	Con nhím	165
173 —	Gà cùng một mẹ	166

VII

174 —	Ông trẻ xoi kẹo	169
175 —	Chị Mùi, em Thân	167
176 —	Con gà và con hồ	168
177 —	Quan Lang và Bà Nàng	166
178 —	Con chó rừng và con chó nhà	170
179 —	Con chim họa-mi và con ếch-ương	172
180 —	Hoa nhài, hoa hồng, móng-rồng và trúc, cúc	173
181 —	Cậu bé và con cánh-cam	174
182 —	Quan kỵ-sĩ và tên đầy tớ	175
183 —	Con hươu soi xuống nước	176
184 —	Con chim và hoa quả	177
185 —	Con lừa chở đồ	178
186 —	Đốt trầm làm than	179
187 —	Hai chị em và cái gương	180



ĐÃ PHÁT HÀNH :

TRUYỆN NGỤ NGÔN

do Hoa Tiên sưu tập

- * Một tuyển tập truyện ngụ ngôn độc đáo nhất từ xưa đến nay.
Hàm chứa một nội dung sâu sắc, hoàn toàn mới lạ....
- * Mỗi truyện đều có phần Nhận xét và Góp ý, khiến làm tăng thêm sự thích thú, say sưa cho người đọc.
- * Càng đọc càng thấm thía !
Càng đọc càng thâm trầm !



TRUYỆN CỔ ĐÔNG TÂY CHỌN LỌC

do Hoa Tiên sưu tập

- * Một tuyển tập truyện cổ hay nhất trong tủ sách truyện cổ hiện thời. Chọn lọc toàn những truyện thật đặc sắc, thật mới lạ....